



TRACODI

Số/No: 26/2026/CBTT-TCD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026  
*Ho Chi Minh City, July 30, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: *Ha Noi Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Tracodi/ *Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: TCD

- Địa chỉ/*Address*: 89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, TP. HCM/ *89 Cach Mang Thang Tam, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: (84 28) 38330315

Fax: (84 28) 8330317

- E-mail: [lr@tracodi.com.vn](mailto:lr@tracodi.com.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:**

CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi công bố thông tin Báo cáo tình hình Quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026.

*Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company announces the Corporate Governance Report for H1 2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn <https://www.tracodi.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2026> *This information was published on the company's website on 30/07/2026 (date), as in the link <https://www.tracodi.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2026>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Báo cáo tình hình quản trị công ty số  
02/2026/BCQT-TCD ngày 30/07/2026  
*Corporate Governance Report No.  
02/2026/BCQT-TCD dated July 30, 2026*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CHIEF EXECUTIVE OFFICER**



**LÊ HUYNH THƯƠNG MINH**  
*LE HUYNH THUONG MINH*



**TRACODI**

**Số: 02/2026/BCQT-TCD**

**No.: 02/2026/BCQT-TCD**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

HCMC, July 30, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**6 tháng năm 2026**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**the first half of 2026**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội  
**To:** - *The State Securities Commission*  
- *Ha Noi Stock Exchange*

- Tên công ty niêm yết: **CTCP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG TRACODI**
- *Name of Company:* **TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY**
- Địa chỉ trụ sở chính: 89 Cách Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh
- *Address:* 89 *Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, HCMC;*
- Điện thoại/ *Tel:* (84 28) 38330314 - 38330315 - 38330316
- Fax: (84 28) 38330317 Email: [ir@tracodi.com.vn](mailto:ir@tracodi.com.vn)
- Vốn điều lệ: 3.358.206.410.000 VND (Ba nghìn ba trăm năm mươi tám tỷ hai trăm lẻ sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng).
- *Charter capital:* 3,358,206,410,000 VND (*Three trillion three hundred fifty-eight billion two hundred six million four hundred ten thousand Vietnamese Dong*).
- Mã chứng khoán/ *Stock symbol:* TCD
- Mô hình quản trị công ty/ *Governance mode*
  - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc.
  - + *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
- *The implementation of internal audit:* *Implemented*

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

**I. Activities of the General Meeting of Shareholders:**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders*



(including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)

### II. Board of Directors (Annual report):

#### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

##### 1. Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên<br>HĐQT<br>Board of<br>Directors'<br>members | Chức vụ<br>Position                                                                         | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT<br>độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the<br>Board of Directors                                                             |                                      |
|------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                         |                                                                                             | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                                                                                              | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Nguyễn Thanh Hùng                                       | Chủ tịch<br>HĐQT<br>Chairman of<br>the BOD                                                  | 14/04/2022 (thông qua ĐHĐCĐ<br>Thường niên năm 2022)<br>April 14, 2022 (approved at the<br>2022 Annual General Meeting of<br>Shareholders)                                                        |                                      |
| 2          | Nguyễn Duy Lâm                                          | Phó chủ tịch<br>HĐQT<br>Vice Chairman<br>of the BOD                                         | 23/12/2025 (thông qua ĐHĐCĐ<br>LYKCĐ bằng văn bản tháng<br>12/2025)<br>December 23, 2025 (Approved by<br>the General Meeting of<br>Shareholders through written<br>consultation in December 2025) |                                      |
| 3          | Nguyễn Trung Kiên                                       | Thành viên<br>HĐQT<br>Member of<br>BOD                                                      | 23/12/2025 (thông qua ĐHĐCĐ<br>LYKCĐ bằng văn bản tháng<br>12/2025)<br>December 23, 2025 (Approved by<br>the General Meeting of<br>Shareholders through written<br>consultation in December 2025) |                                      |
| 4          | Nguyễn Ngọc Anh                                         | Thành viên<br>HĐQT kiêm<br>Phó TGD<br>Member of<br>BOD cum<br>Deputy<br>General<br>Director | 23/12/2025 (thông qua ĐHĐCĐ<br>LYKCĐ bằng văn bản tháng<br>12/2025)<br>December 23, 2025 (Approved by<br>the General Meeting of<br>Shareholders through written<br>consultation in December 2025) |                                      |
| 5          | Dương Anh Văn (*)                                       | Thành viên<br>HĐQT độc lập<br>Independent<br>Member                                         | 12/04/2023 (thông qua ĐHĐCĐ<br>Thường niên năm 2023)<br>April 12, 2023 (approved at the<br>2023 Annual General Meeting of<br>Shareholders)                                                        |                                      |

(\*) HĐQT đã tiếp nhận đơn từ nhiệm của ông Dương Anh Văn từ ngày 16/01/2026

(\*) On January 16, 2026, the Board of Directors received Mr. Dương Anh Văn's resignation letter

#### 2. Các cuộc họp của HĐQT

##### 2. Meetings of the Board of Directors:



| Stt<br>No | Thành viên HĐQT<br><i>Board of Director's<br/>member</i> | Số buổi họp HĐQT tham dự<br><i>Number of meetings attended<br/>by Board of Directors</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp<br><i>Attendance rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|-----------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1         | Nguyễn Thanh Hùng                                        | 2/2                                                                                      | 100%                                           |                                                              |
| 2         | Nguyễn Duy Lâm                                           | 2/2                                                                                      | 100%                                           |                                                              |
| 3         | Nguyễn Trung Kiên                                        | 2/2                                                                                      | 100%                                           |                                                              |
| 4         | Nguyễn Ngọc Anh                                          | 2/2                                                                                      | 100%                                           |                                                              |
| 5         | Dương Anh Văn                                            | 2/2                                                                                      | 100%                                           |                                                              |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

#### 3. Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, công việc điều hành quản lý của Ban Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu như sau:

*In the first six months of 2026, the Board of Directors regularly monitored and supervised the operational and management activities of the Board of Management, and coordinated with the Supervisory Board to review the following key issues:*

- Việc chấp hành Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị;  
*Compliance with the Resolutions and Decisions of the Board of Directors;*
- Tiến độ thực hiện kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;  
*Progress of the plan approved by the General Meeting of Shareholders;*
- Giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất, đảm bảo việc phản hồi và có các kiến nghị kịp thời, đúng định hướng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và quy định của ngành;  
*Monitoring the activities of the Board of General Directors through regular and ad-hoc reports, ensuring timely feedback and recommendations that are aligned with the direction and ensure compliance with legal regulations and industry standards;*
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa HĐQT và Ban Giám đốc để thảo luận về kết quả hoạt động, chiến lược phát triển, và các vấn đề cần giải quyết;  
*Organizing regular meetings between the Board of Directors and the Board of General Directors to discuss business results, development strategies, and any issues that need to be addressed;*
- Giám sát các quyết định tài chính và đầu tư của Ban Giám đốc, đảm bảo các quyết định này phù hợp với chiến lược và mục tiêu dài hạn của công ty.  
*Monitoring the financial and investment decisions of the Board of General Directors, ensuring that these decisions are in line with the company's long-term strategy and objectives;*
- Tình hình tuân thủ và quản lý rủi ro trong hoạt động.  
*The situation regarding compliance and risk management in operations.*

#### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

#### 4. Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): None

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

#### 5. Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Aannual report):

| Stt<br>No | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br><i>Resolution/D<br/>ecision No.</i> | Ngày/Date  | Nội dung/Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ<br>thông<br>qua/<br><i>Appro<br/>val<br/>rate</i> | Nghĩa vụ CBTT/<br><i>Disclosure<br/>Obligations</i>                                 |
|-----------|------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.        | 01/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                                | 16/01/2026 | Thông qua các giao dịch liên quan dự<br>kiến năm 2026, tiếp nhận Đơn từ nhiệm<br>thành viên Hội đồng quản trị, thành<br>viên Ban kiểm soát và thay đổi Người<br>đại diện quản lý phần vốn tại CTCP<br>TCD Plus<br><i>Approving the related-party<br/>transactions expected in 2026, the<br/>receipt of the resignation of members of<br/>the Board of Directors, members of the<br/>Supervisory Board and change of<br/>Authorized representatives of the owner<br/>at TCD Plus JSC</i>                          | 100%                                                    | CBTT ngày<br>16/01/2026<br><i>Disclosed on<br/>January 16, 2026</i>                 |
| 2.        | 02/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                                | 25/03/2026 | Gia hạn việc tổ chức họp Đại hội đồng<br>cổ đông thường niên năm 2026 CTCP<br>Tập đoàn Xây dựng Tracodi<br><i>Extension of the 2026 Annual General<br/>Meeting of Shareholders<br/>of Tracodi Construction Holdings Joint<br/>Stock Company</i>                                                                                                                                                                                                                                                                  | 100%                                                    | CBTT ngày<br>25/03/2026<br><i>Disclosed on March<br/>25, 2026</i>                   |
| 3.        | 03/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                                | 03/04/2026 | Thông qua các giao dịch liên quan<br><i>Approving the related-party<br/>transactions</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 100%                                                    | CBTT ngày<br>03/04/2026<br><i>Disclosed on April 3,<br/>2026</i>                    |
| 4.        | 04/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                                | 20/04/2026 | Đề cử thay đổi nhân sự tham gia Ban<br>kiểm soát tại Công ty TNHH Liên<br>doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây<br>dựng An Giang<br><i>Nomination of personnel changes to the<br/>Supervisory Board at An Giang<br/>Building Material Exploiting and<br/>Processing Co., Ltd</i>                                                                                                                                                                                                                                 | 100%                                                    | CBTT ngày<br>20/04/2026<br><i>Disclosed on April<br/>20, 2026</i>                   |
| 5.        | 05/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                                | 08/05/2026 | Thông qua việc thay đổi Người được ủy<br>quyền đại diện quản lý phần vốn góp<br>của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi<br>tại CTCP Đầu tư và Phát triển Sơn<br>Long và thay đổi Giám đốc Chi nhánh<br>CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại<br>Hà Nội<br><i>Approving the change of Authorized<br/>representatives of the owner of Tracodi<br/>Construction Holdings JSC. at Son<br/>Long Investment and Development JSC.<br/>and change of Branch Director of<br/>Tracodi Construction Holdings JSC. at<br/>Ha Noi</i> | 100%                                                    | CBTT ngày<br>08/05/2026<br><i>Disclosed on May 8,<br/>2026</i>                      |
| 6.        | 06/2026/QĐ-<br>HĐQT-TCD                                                | 08/05/2026 | Thôi nhiệm chức vụ Giám đốc Chi<br>nhánh CTCP Tập đoàn Xây dựng<br>Tracodi tại Hà Nội<br><i>Resignation from the position of<br/>Director of Tracodi Construction</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100%                                                    | CBTT tại NQ số<br>05/2026/NQ-HĐQT-<br>TCD<br><i>Disclosed in<br/>Resolution No.</i> |



| Stt<br>No | Số Nghị<br>quyết/ Quyết<br>định<br>Resolution/D<br>ecision No. | Ngày/Date  | Nội dung/Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tỷ lệ<br>thông<br>qua/<br>Appro<br>val<br>rate | Nghĩa vụ CBTT/<br>Disclosure<br>Obligations                                                                      |
|-----------|----------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                |            | Holdings Joint Stock Company Branch<br>in Ha Noi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                | 05/2026/NQ-HĐQT-<br>TCD                                                                                          |
| 7.        | 07/2026/QĐ-<br>HĐQT-TCD                                        | 08/05/2026 | Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh<br>CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại<br>Hà Nội<br><i>Appointment of Director of Tracodi<br/>Construction Holdings Joint Stock<br/>Company Branch in Ha Noi</i>                                                                                                                                                                                                    | 100%                                           | CBTT tại NQ số<br>05/2026/NQ-HĐQT-<br>TCD<br><i>Disclosed in<br/>Resolution No.<br/>05/2026/NQ-HĐQT-<br/>TCD</i> |
| 8.        | 08/2026/QĐ-<br>HĐQT-TCD                                        | 08/05/2026 | Thay đổi Người đứng đầu Chi nhánh<br>CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi tại<br>Hà Nội<br><i>Change of Head of Tracodi<br/>Construction Holdings Joint Stock<br/>Company Branch in Hanoi</i>                                                                                                                                                                                                                | 100%                                           | CBTT tại NQ số<br>05/2026/NQ-HĐQT-<br>TCD<br><i>Disclosed in<br/>Resolution No.<br/>05/2026/NQ-HĐQT-<br/>TCD</i> |
| 9.        | 10/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                        | 03/06/2026 | Yêu cầu CTCP Chứng khoán Tiên<br>Phong thực hiện tổ chức lấy ý kiến<br>Người Sở Hữu Trái Phiếu của Trái<br>Phiếu TCDH2227002 để thông qua<br>Phương Án Xử Lý Trái Phiếu<br><i>Requesting Tien Phong Securities Joint<br/>Stock Company to organize a meeting<br/>and collect the opinions of the<br/>Bondholders of Bond TCDH2227002 in<br/>order to approve the proposed Bond<br/>Resolution Plan</i> | 100%                                           | CBTT ngày<br>03/06/2026<br><i>Disclosed on June 3,<br/>2026</i>                                                  |
| 10.       | 11/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                        | 03/06/2026 | Thông qua việc thoái toàn bộ vốn góp<br>của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi<br>tại CTCP Đầu tư và Phát triển Sơn<br>Long<br><i>Approving the equity divestment of<br/>Tracodi Construction Holdings Joint<br/>Stock Company from Son Long<br/>Investment and Development Joint<br/>Stock Company</i>                                                                                                    | 100%                                           | CBTT ngày<br>03/06/2026<br><i>Disclosed on June 3,<br/>2026</i>                                                  |
| 11.       | 12/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                        | 05/06/2026 | Triển khai tổ chức Đại hội đồng cổ<br>đồng thường niên năm 2026<br><i>Implementation of the 2026 Annual<br/>General Meeting of Shareholders</i>                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                                           | CBTT ngày<br>05/06/2026<br><i>Disclosed on June 5,<br/>2026</i>                                                  |
| 12.       | 13/2026/NQ-<br>HĐQT-TCD                                        | 05/06/2026 | Thay đổi địa chỉ Chi nhánh CTCP Tập<br>đoàn Xây dựng Tracodi tại Hà Nội<br><i>The change of address for Tracodi<br/>Construction Holdings Joint Stock<br/>Company's Hanoi Branch</i>                                                                                                                                                                                                                   | 100%                                           | CBTT ngày<br>05/06/2026<br><i>Disclosed on June 5,<br/>2026</i>                                                  |
| 13.       | 14/2026/QĐ-<br>HĐQT-TCD                                        | 08/06/2026 | Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ<br>đồng thường niên năm 2026<br><i>Establishment of the Organizing<br/>Committee for the 2026 Annual<br/>General Meeting of Shareholders</i>                                                                                                                                                                                                                     | 100%                                           | Không thuộc nội<br>dung CBTT theo<br>Thông tư<br>96/2020/TT-BTC<br><i>Not described in the</i>                   |



| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/ Decision No.</i> | Ngày/Date  | Nội dung/Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tỷ lệ thông qua/<br><i>Approval rate</i> | Nghĩa vụ CBTT/<br><i>Disclosure Obligations</i>           |
|---------|--------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|         |                                                              |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                          | <i>Circular No. 96/2020/TT-BTC</i>                        |
| 14.     | 17/2026/NQ-HĐQT-TCĐ                                          | 25/06/2026 | Thông qua việc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi của CTCP Tập đoàn Xây dựng Tracodi và các Công ty Con tại Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2025<br><i>Approval of making provisions for doubtful receivables of Tracodi Construction Holdings Joint Stock Company and its Subsidiaries in the 2024 Financial Statements and 2025 Financial Statements</i> | 100%                                     | CBTT ngày 25/06/2026<br><i>Disclosed on June 25, 2026</i> |

### III. Ban kiểm soát/ Board of Supervisors

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

##### 1. Information about members of Board of Supervisors:

| STT No. | Thành viên BKS<br><i>Members of Board of Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>  | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>                                                                                            | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                                                                                                                                                                            |
|---------|----------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Nguyễn Viết Cương (*)                                    | Trưởng ban<br><i>Head</i>   | Tái bổ nhiệm ngày 14/04/2022 (thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)<br><i>Reappointment on April 14, 2022 (approved at the 2022 Annual General Meeting).</i>                                                         | Cử nhân Kinh tế/ Cử nhân Luật/<br>Chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA VN)<br>Chứng chỉ đào tạo Luật sư Việt Nam<br><i>Bachelor of Economics<br/>Bachelor of Law<br/>Certified Public Accountant (CPA Vietnam)<br/>Vietnamese Lawyer Training Certificate</i> |
| 2       | Hoàng Quốc Trung                                         | Thành viên<br><i>Member</i> | Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025 (thông qua ĐHĐCĐ LYKCD bằng văn bản tháng 6/2025)<br><i>Appointed effective July 1, 2025 (approved by the General Meeting of Shareholders through written consultation in June 2025)</i> | Thạc sĩ Kế toán<br><i>Master of Accounting</i>                                                                                                                                                                                                         |
| 3       | Võ Văn Hóa                                               | Thành viên<br><i>Member</i> | Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2025 (thông qua ĐHĐCĐ LYKCD bằng văn bản tháng 6/2025)<br><i>Appointed effective July 1, 2025 (approved by the General Meeting of Shareholders through written consultation in June 2025)</i> | Cử nhân Kế toán Tài chính<br><i>Bachelor of Financial Accounting</i>                                                                                                                                                                                   |

(\*) Ông Cương đã có Đơn từ nhiệm ngày 09/01/2026 và HĐQT đã tiếp nhận đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Viết Cương từ ngày 16/01/2026



(\*) Mr. Cuong submitted his resignation letter on January 9, 2026, and the Board of Directors accepted the resignation of Mr. Nguyen Viet Cuong effective from January 16, 2026.

## 2. Cuộc họp của BKS/ Meetings of Board of Supervisors

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br>Members of<br>Board of<br>Supervisors | Số buổi họp tham dự<br>Number of<br>meetings attended | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br>Attendance<br>rate | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br>Voting rate | Lý do không<br>tham dự họp<br>Reasons for<br>absence |
|------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1          | Nguyễn Viết Cường                                       | 1/1                                                   | 100%                                       | 100%                               |                                                      |
| 2          | Hoàng Quốc Trung                                        | 1/1                                                   | 100%                                       | 100%                               |                                                      |
| 3          | Võ Văn Hóa                                              | 1/1                                                   | 100%                                       | 100%                               |                                                      |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ban Kiểm soát tiếp tục đồng hành cùng Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành trong quá trình ổn định và từng bước phục hồi hoạt động của Công ty. Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể như sau:

*In the first 6 months of 2026, the Supervisory Board continued to accompany the Board of Directors (BOD) and the Board of Management in the process of stabilizing and gradually recovering the Company's operations. Through its supervision, the Supervisory Board notes a number of positive developments, as follows:*

- Về công tác kế toán – tài chính và công bố thông tin: trong tháng 6/2026, Ban điều hành đã nỗ lực hoàn tất và phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2024 (ngày 29/06/2026) và năm tài chính 2025 (ngày 30/06/2026). Đây là bước tiến quan trọng, giúp xử lý phần lớn khối lượng công việc tồn đọng, tăng cường tính minh bạch và tạo cơ sở để Công ty sớm tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

*On accounting/finance and information disclosure: in June 2026, the Board of Management made significant efforts to complete and issue the audited consolidated financial statements for fiscal year 2024 (on June 29, 2026) and fiscal year 2025 (on June 30, 2026). This is an important step that resolves much of the outstanding workload, enhances transparency, and creates the basis for the Corporation to soon convene the General Meeting of Shareholders as prescribed.*

- Về công tác tái cơ cấu và củng cố tài chính: HĐQT và Ban điều hành đã chủ động triển khai nhiều giải pháp như rà soát, tái cơ cấu danh mục đầu tư, thu hồi công nợ, tiết giảm chi phí vận hành và từng bước giảm dư nợ vay; đồng thời duy trì được bộ máy quản lý, lực lượng kỹ thuật và năng lực tổ chức thi công. Công ty cũng tích cực phối hợp với cơ quan quản lý và đơn vị kiểm toán nhằm khắc phục các tồn tại và minh bạch thông tin.

*On restructuring and strengthening the financial position: the BOD and the Board of Management proactively implemented various measures such as reviewing and restructuring the investment portfolio, recovering receivables, reducing operating costs and gradually lowering outstanding debt, while preserving the management apparatus, technical workforce and construction organization capability. The Company also actively coordinated with regulators and the auditor to rectify outstanding matters and enhance information transparency.*

Trên cơ sở những kết quả tích cực nêu trên, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban điều hành tiếp tục duy trì đà cải thiện, đẩy nhanh việc xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, sớm kiện toàn nhân sự Ban Kiểm soát và tổ chức Đại hội đồng cổ đông để bảo đảm hoạt động quản trị được đầy đủ, liên tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



*On the basis of the above positive results, the Supervisory Board recommends that the BOD and the Board of Management maintain this improving momentum, accelerate the definitive resolution of remaining issues, promptly consolidate the Supervisory Board's personnel, and convene the General Meeting of Shareholders to ensure full and continuous corporate governance in accordance with the law and the Company Charter.*

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:**

- Trong kỳ, HĐQT và Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát tiếp cận hồ sơ, tài liệu, số liệu kế toán – tài chính cần thiết phục vụ công tác giám sát và cung cấp thông tin kịp thời khi có yêu cầu.

*During the period, the BOD and the Board of Management coordinated closely and created favorable conditions for the Supervisory Board to access the records, documents and accounting/financial data necessary for its supervisory work, and provided information in a timely manner upon request.*

**5. Hoạt động khác của BKS (Nếu có)/ Other activities of the Board of Supervisors (if any):**

Trong kỳ, Ban Kiểm soát đã tiếp nhận và xem xét Đơn từ nhiệm đề ngày 09/01/2026 của Ông Nguyễn Việt Cường, Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027, và thống nhất trình HĐQT, Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

*During the period, the Supervisory Board received and reviewed the Resignation Letter dated January 9, 2026 of Mr. Nguyen Viet Cuong, Head of the Supervisory Board for the 2022 – 2027 term, and agreed to submit the matter to the BOD and the General Meeting of Shareholders for consideration and approval of the dismissal in accordance with the Company Charter and applicable laws.*

**IV. Ban điều hành/ Board of Management**

| STT<br>No. | Thành viên<br>Ban điều hành<br><i>Members of<br/>Board of<br/>Management</i> | Ngày<br>tháng<br>năm sinh<br><i>Date of<br/>birth</i> | Trình độ<br>chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                | Chức vụ<br><i>Position</i>                                                                                                                            | Ngày bổ<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i> | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1          | Lê Huỳnh<br>Thương<br>Minh                                                   | 03/08/1980                                            | Cử nhân kinh<br>tế/ <i>Bachelor of<br/>Economics</i>                                          | Tổng Giám Đốc<br><i>CEO</i>                                                                                                                           | 18/03/2025                                         |                                                       |
| 2          | Nguyễn Văn<br>Bắc                                                            | 02/12/1975                                            | Cử nhân Kế<br>toán<br><i>Bachelor of<br/>Accounting</i>                                       | Giám đốc tài chính/<br>Phó TGD phụ trách<br>Tài chính Kế toán/<br><i>CFO/ Deputy<br/>General Director in<br/>charge of Finance<br/>and Accounting</i> | 20/02/2021/<br>03/10/2022                          |                                                       |
| 3          | Nguyễn<br>Ngọc Anh                                                           | 21/10/1986                                            | Kỹ sư Xây<br>dựng Dân<br>dụng và Công<br>nghiệp/ <i>Civil<br/>and Industrial<br/>Engineer</i> | Phó Tổng Giám<br>đốc phụ trách Xây<br>dựng/ <i>Deputy Chief<br/>Executive Officer in<br/>charge of<br/>Construction</i>                               | 01/09/2025                                         |                                                       |



**V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i>                                                                       | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/<br/>dismissal</i> |
|--------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Nguyễn Thị Kim Yến       | 15/03/1987                                  | Cử nhân chuyên ngành KTDN – Chứng chỉ KKT<br><i>Bachelor's degree in Business Accounting – Chief Accountant Certificate</i> | Bổ nhiệm ngày 10/04/2025                                                  |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty: Không có/ Training courses on corporate governance: None.**

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ The list of affiliated persons of the public company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company:**

- 1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the Company:** Phụ lục 1/ Appendix 1
- 2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:** Phụ lục 2/ Appendix 2
- 3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:** Phụ lục 3/ Appendix 3
- 4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the Company and other objects**
  - 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): không có/None
  - 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có/None
  - 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/None

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/ Share transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)**



1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*: Phụ lục 4/ *Appendix 4*
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*: không có / *None*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues***: Không có/ *None*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/*As above*;
- Lưu: P. QHNĐT.
- Archived: IRD

**CTCP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG TRACODI**  
**TRACODI CONSTRUCTION HOLDINGS**  
**JOINT STOCK COMPANY**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**NGUYỄN THANH HÙNG**  
**NGUYEN THANH HUNG**



PHỤ LỤC 1/ APPENDIX 1

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/ THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

| STT/<br>No.                                     | Tên tổ chức/cá<br>nhân<br>Name of<br>organization/<br>individual | TK<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu<br>có)<br>Securit<br>ies<br>trading<br>accoun<br>t (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công ty (nếu<br>có) Position at<br>the Company<br>(if any) | Số giấy NSH<br>ID | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Thời<br>điểm<br>bắt<br>đầu<br>là<br>ngườ<br>i có<br>liên<br>quan<br>Time<br>of<br>starti<br>ng<br>to be<br>affili<br>ated<br>perso<br>n | Thời<br>điểm<br>khôn<br>g còn<br>là<br>ngườ<br>i có<br>liên<br>quan<br>Time<br>of<br>endin<br>g to<br>be<br>affili<br>ated<br>perso<br>n | Lý do<br>Reasons | Mối quan<br>hệ liên<br>quan với<br>công ty<br>Relationsh<br>ip with the<br>Company                    |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Người quản lý công ty mẹ Parent company manager |                                                                  |                                                                                                             |                                                                           |                   |                                    |                           |                                                     |                                                                                                                                         |                                                                                                                                          |                  |                                                                                                       |
| 1                                               | Tan Bo Quan,<br>Andy                                             |                                                                                                             |                                                                           |                   |                                    |                           |                                                     | 15/05<br>/2021                                                                                                                          |                                                                                                                                          |                  | Chủ tịch<br>HĐQT<br>công ty mẹ<br>Chairman<br>of the<br>parent<br>company                             |
| 2                                               | Nguyễn Thị<br>Ánh                                                |                                                                                                             |                                                                           |                   |                                    |                           |                                                     | 26/12<br>/2025                                                                                                                          |                                                                                                                                          |                  | Phó Chủ<br>tịch HĐQT<br>công ty mẹ<br>Vice<br>Chairman<br>of the<br>Board of<br>the parent<br>company |





|   |                   |  |  |  |  |  |  |            |  |  |                                                                                                  |
|---|-------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | Thái Hồng Ngọc    |  |  |  |  |  |  | 26/12/2025 |  |  | Thành viên HDQT công ty mẹ<br><i>Member of the BOD of the parent company</i>                     |
| 4 | Phạm Thị Thảo     |  |  |  |  |  |  | 26/12/2025 |  |  | Thành viên HDQT công ty mẹ<br><i>Member of the BOD of the parent company</i>                     |
| 5 | Võ Văn Dũng       |  |  |  |  |  |  | 26/12/2025 |  |  | Thành viên Độc lập HDQT công ty mẹ<br><i>Independent Member of the BOD of the parent company</i> |
| 6 | Nguyễn Trung Kiên |  |  |  |  |  |  | 26/12/2025 |  |  | Thành viên Độc lập HDQT công ty mẹ<br><i>Independent Member of the BOD of the parent company</i> |

|                                             |                          |  |                                                                       |  |  |  |  |                |  |  |                                                                                                                            |
|---------------------------------------------|--------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|----------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7                                           | Ng Wee Siong,<br>Leonard |  |                                                                       |  |  |  |  | 01/09<br>/2025 |  |  | Thành viên<br>HĐQT<br>kiêm TGD<br>công ty mẹ<br><i>Member of<br/>the BOD<br/>cum CEO<br/>of the<br/>parent<br/>company</i> |
| <b>Hội đồng quản trị Board of Directors</b> |                          |  |                                                                       |  |  |  |  |                |  |  |                                                                                                                            |
| 1                                           | Nguyễn Thanh<br>Hùng     |  | Chủ tịch<br>HĐQT<br><i>Chairman</i>                                   |  |  |  |  | 14/04<br>/2022 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i>                                                                             |
| 2                                           | Nguyễn Duy<br>Lân        |  | Phó CT<br>HĐQT<br><i>Member of the<br/>BODs</i>                       |  |  |  |  | 23/12<br>/2025 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i>                                                                             |
| 3                                           | Nguyễn Trung<br>Kiên     |  | TV HĐQT<br><i>Member of the<br/>BODs</i>                              |  |  |  |  | 01/07<br>/2025 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i>                                                                             |
| 4                                           | Nguyễn Ngọc<br>Anh       |  | TV HĐQT<br><i>Member of the<br/>BODs</i>                              |  |  |  |  | 23/12<br>/2025 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i>                                                                             |
| 5                                           | Dương Anh<br>Vấn         |  | Thành viên<br>độc lập HĐQT<br><i>Independent<br/>Board<br/>Member</i> |  |  |  |  | 12/04<br>/2023 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i>                                                                             |



| Ban điều hành <i>Executive Board</i>   |                         |  |                                                                                                           |  |  |  |  |                |  |  |                                                |
|----------------------------------------|-------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|----------------|--|--|------------------------------------------------|
| 1                                      | Lê Huỳnh<br>Thương Minh |  | Tổng Giám<br>Đốc<br><i>CEO</i>                                                                            |  |  |  |  | 18/03<br>/2025 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i> |
| 2                                      | Nguyễn Văn<br>Bắc       |  | Phó TGD<br><i>Deputy<br/>General<br/>Director</i>                                                         |  |  |  |  | 23/02<br>/2021 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i> |
| 3                                      | Nguyễn Ngọc<br>Anh      |  | Phó TGD phụ<br>trách xây dựng<br><i>Deputy<br/>General<br/>Director in<br/>charge of<br/>construction</i> |  |  |  |  | 01/09<br>/2025 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i> |
| 4                                      | Nguyễn Thị<br>Kim Yến   |  | Kế toán<br>trưởng<br><i>Chief<br/>Accountant</i>                                                          |  |  |  |  | 10/04<br>/2025 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i> |
| Ban kiểm soát <i>Supervisory Board</i> |                         |  |                                                                                                           |  |  |  |  |                |  |  |                                                |
| 1                                      | Nguyễn Viết<br>Cương    |  | Trưởng Ban<br>kiểm soát                                                                                   |  |  |  |  | T12/2<br>016   |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i> |
| 2                                      | Hoàng Quốc<br>Trung     |  | Thành viên<br>BKS                                                                                         |  |  |  |  | 01/07<br>/2025 |  |  | Người nội<br>bộ<br><i>Internal<br/>persons</i> |

|                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                 |  |                                        |            |                |                                        |                                                                                                                |                |                |                                                        |                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------|------------|----------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                 |  |                                        |            |                |                                        |                                                                                                                |                |                |                                                        |                                         |
| 3                                                                                                                                                                                        | Võ Văn Hóa                                                                                                      |  | Thành viên<br>BKS                      |            |                |                                        |                                                                                                                | 01/07<br>/2025 |                |                                                        | Người nội<br>bộ<br>Internal<br>persons  |
| <b>Người phụ trách quản trị công ty/ Person in charge of Corporate Governance</b>                                                                                                        |                                                                                                                 |  |                                        |            |                |                                        |                                                                                                                |                |                |                                                        |                                         |
| 1                                                                                                                                                                                        | Lê Nguyễn<br>Phương Thảo                                                                                        |  | Người phụ<br>trách quản trị<br>công ty |            |                |                                        |                                                                                                                | 10/06<br>/2025 |                |                                                        | Người nội<br>bộ<br>Internal<br>persons  |
| <b>Người liên quan đến Người nội bộ (Chi tiết ở Phụ lục 5 Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ) (the list of internal persons and their affiliated persons)</b> |                                                                                                                 |  |                                        |            |                |                                        |                                                                                                                |                |                |                                                        |                                         |
| <b>Tổ chức liên quan đến công ty/ Organizations related to the company</b>                                                                                                               |                                                                                                                 |  |                                        |            |                |                                        |                                                                                                                |                |                |                                                        |                                         |
| 1                                                                                                                                                                                        | CTCP Tập<br>đoàn Bamboo<br>Capital<br>Bamboo<br>Capital JSC                                                     |  |                                        | 0311315789 | 07/11/<br>2011 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I.      | 22A đường số 7, Phường Bình<br>Trung, TP. Hồ Chí Minh<br>22A No.7 Street, Binh Trung<br>Ward, Ho Chi Minh City | T04/<br>2015   |                |                                                        | Công ty<br>mẹ<br>Parent<br>company      |
| 2                                                                                                                                                                                        | CTCP Nước<br>Sạch Life<br>Purity<br>Life Purity<br>Joint Stock<br>Company                                       |  |                                        | 0316385589 | 14/07/<br>2020 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I.      | 27C Quốc Hương, P. Thảo<br>Điền, TP.HCM<br>27C Quoc Huong Street, Thao<br>Đien Ward, HCMC                      | 23/04<br>/2020 | 15/09<br>/2023 | Dừng góp<br>vốn<br>Stop<br>capital<br>contributio<br>n | Công ty<br>con<br>Subsidiary<br>company |
| 3                                                                                                                                                                                        | Công ty TNHH<br>Liên Doanh<br>Khai Thác Chế<br>Biến VLXD<br>An Giang<br>Antraco Joint<br>Venture<br>Company Ltd |  |                                        | 1600175162 | 20/09/<br>1994 | Sở KHĐT An<br>Giang<br>An Giang D.P.I. | Ấp Rò Leng, Xã Tri Tôn, Tỉnh<br>An Giang<br>Ro Leng Hamlet, Tri Ton<br>Commune, An Giang Province              | 16/06<br>/1995 |                |                                                        | Công ty<br>con<br>Subsidiary<br>company |
| 4                                                                                                                                                                                        | CTCP TCD<br>Plus                                                                                                |  |                                        | 0317111679 | 07/01/<br>2022 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I.      | Tòa nhà Vian Tower, Số 26<br>Đường 40, Phường An Khánh,<br>TP Hồ Chí Minh                                      | T01/2<br>022   |                |                                                        | Công ty<br>con                          |



|   |                                                                                                                                                                |  |  |            |            |                                                                              |                                                                                                                                                            |            |  |  |                                               |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|-----------------------------------------------|
|   | <i>TCD Plus Joint Stock Company</i>                                                                                                                            |  |  |            |            |                                                                              | <i>Vian Tower Building, No. 26, Street 40, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City</i>                                                                             |            |  |  | <i>Subsidiary company</i>                     |
| 5 | Công ty Taxi Việt Nam<br><i>Vietnam Taxi CO., Ltd.</i>                                                                                                         |  |  | 0301465425 | 24/10/2008 | Sở KHĐT TP. HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>                                        | Lô IV - 15B, Đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh<br><i>Lot IV-15B, Street No. 4, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, HCMC</i> | T03/2023   |  |  | Công ty con<br><i>Subsidiary company</i>      |
| 6 | Cty TNHH Xây dựng Thương Mại ECOBUILD (tên cũ: Cty TNHH Tracodi E&C)<br><i>ECOBUILD CONSTRUCTION TRADING COMPANY LIMITED (Tracodi E&amp;C company limited)</i> |  |  | 0317828674 | 11/05/2023 | Sở KHĐT TP. HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>                                        | 89 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, TP Hồ Chí Minh<br><i>89 Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City</i>                             | 11/05/2023 |  |  | Công ty con<br><i>Subsidiary company</i>      |
| 7 | CTCP Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long<br><i>Son Long development investment joint stock company</i>                                                               |  |  | 5701018653 | 02/01/2009 | Sở KHĐT TP. Hạ Long<br><i>Department of Planning and Investment, Ha Long</i> | Tổ 21, khu 4B, đường Hậu Cẩn, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh<br><i>Group 21, Area 4B, Hau Can Street, Bai Chay Ward, Quang Ninh Province</i>             | T09/2022   |  |  | Công ty liên kết<br><i>Affiliated Company</i> |
| 8 | Cty TNHH Đầu tư và Phát Triển Năng lượng Thành Nguyên<br><i>Thanh Nguyen energy investment and</i>                                                             |  |  | 5901023749 | 04/12/2015 | Sở KHĐT Tỉnh Gia Lai<br><i>Gia Lai D.P.I.</i>                                | Buôn Chư Jut, Xã Ia Rsai, Tỉnh Gia Lai<br><i>Chu Jut Hamlet, Ia Rsai Commune, Gia Lai Province</i>                                                         | T12/2022   |  |  | Công ty liên kết<br><i>Affiliated Company</i> |

|    |                                                                                             |  |  |            |                |                                               |                                                                                                                                                            |                |  |  |                                                              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|----------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|--|--------------------------------------------------------------|
|    | development<br>company<br>limited                                                           |  |  |            |                |                                               |                                                                                                                                                            |                |  |  |                                                              |
| 9  | CTCP BCG<br>Land<br>BCG Land<br>Joint Stock<br>Company                                      |  |  | 0314922132 | 15/03/<br>2018 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I.             | 22A Đường số 7, Phường<br>Bình Trưng, TP. HCM<br>No. 22A Street 7, Binh Trung<br>Ward, HCMC                                                                | 06/06<br>/2024 |  |  | Công ty<br>liên kết<br>Affiliated<br>Company                 |
| 10 | CTCP Phát<br>triển Nguyễn<br>Hoàng<br>Nguyen Hoang<br>Development<br>Joint Stock<br>Company |  |  | 4100377261 | 09/08/<br>2000 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Bình Định<br>Binh Dinh D.P.I. | Khu TTCN Nhơn Hòa,<br>Phường Nhơn Hòa, Tỉnh Bình<br>Định<br>Nhon Hoa Industrial Park,<br>Nhon Hoa Ward, Binh Dinh<br>Province                              | 20/03<br>/2015 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br>under the<br>same<br>parent<br>company |
| 11 | CTCP BCG<br>Energy<br>BCG Energy<br>JSC.                                                    |  |  | 0314445458 | 08/06/<br>2017 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I..            | LK10-21 đường Trần Quý<br>Kiên, Phường Bình Trưng, TP<br>Hồ Chí Minh<br>LK10-21 Tran Quy Kien<br>Street, Binh Trung Ward, Ho<br>Chi Minh City              | 08/06<br>/2017 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br>under the<br>same<br>parent<br>company |
| 12 | CTCP BCG<br>Khu công<br>nghiệp Cát<br>Trình<br>BCG JCS. Cat<br>Trinh<br>Industrial Park     |  |  | 4101566790 | 01/07/<br>2020 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I.             | Thôn Phong An, Xã Cát<br>Trình, Huyện Phù Cát, Tỉnh<br>Bình Định<br>Phong An, Cat Trinh<br>Commune, Phu Cat District,<br>Binh Dinh Province                | 01/07<br>/2020 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br>under the<br>same<br>parent<br>company |
| 13 | CTCP BCG<br>Financial<br>BCG Financial<br>Joint Stock<br>Company                            |  |  | 0316951788 | 18/08/<br>2021 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I.             | 27C Quốc Hương, P. Thảo<br>Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM<br>27C Quoc Huong Street, Thao<br>Đien Ward, Thu Duc City,<br>HCMC                                    | 18/08<br>/2021 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br>under the<br>same<br>parent<br>company |
| 14 | Tổng CTCP<br>Bảo Hiểm<br>AAA<br>AAA Insurance<br>Joint Stock<br>Corporation                 |  |  | 0303705665 | 28/03/<br>2005 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I.             | 10-12 đường số 52, phường<br>Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ<br>Đức, thành phố Hồ Chí Minh<br>10-12 Street No. 52, Thanh<br>My Loi Ward, Thu Duc City,<br>HCMC | 09/12<br>/2021 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br>under the<br>same<br>parent<br>company |



|    |                                                                               |  |  |            |            |                                                     |                                                                                                                                                                                                                    |            |  |  |                                                         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|---------------------------------------------------------|
| 15 | Công ty TNHH Phoenix Mountain<br><i>Phoenix Mountain Company Limited</i>      |  |  | 4101605111 | 20/10/2021 | Sở KHĐT Tỉnh Bình Định<br><i>Binh Dinh D.P.I.</i>   | Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định<br><i>National Highway 1D, Area 2, Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province</i>                                                   | 20/10/2021 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 16 | CTCP Dược phẩm Tipharco<br><i>Tipharco Pharmaceutical Joint Stock Company</i> |  |  | 1200100557 | 28/02/2006 | Sở KHĐT Tỉnh Tiền Giang<br><i>Tien Giang D.P.I.</i> | Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Tp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang<br><i>Lot 08, 09 Tan My Chanh Industrial and Handicraft Cluster, Ward 9, My Tho City, Tien Giang Province</i> | 27/07/2022 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 17 | CTCP Thành Phúc<br><i>Thanh Phuc JSC.</i>                                     |  |  | 4400348180 | 21/10/2009 | Sở KHĐT Tỉnh Phú Yên<br><i>Phu Yen D.P.I.</i>       | Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Xã Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên<br><i>Lot D4, D5, D9, D10 – Northeast Song Cau Industrial Park, Xuan Hai Commune, Song Cau Town, Phu Yen Province</i>       | 10/09/2018 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 18 | CTCP Tapiotek<br><i>TAPIOTEK JSC</i>                                          |  |  | 3901277274 | 30/01/2019 | Sở KHĐT Tỉnh Tây Ninh<br><i>Tay Ninh D.P.I.</i>     | Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh<br><i>Group 7, Quarter 4, Chau Thanh Town, Chau Thanh District, Tay Ninh Province</i>                                                        | 25/10/2021 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 19 | CTCP Du lịch Casa Marina Resort<br><i>Casa Marina Resort Travel JSC</i>       |  |  | 4101483255 | 16/03/2017 | Sở KHĐT Tỉnh Bình Định<br><i>Binh Dinh D.P.I.</i>   | Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định<br><i>National Highway 1D, Quarter 1, Bai Xep, Ghenh Rang Ward, City. Quy Nhon, Binh Dinh Province</i>                                  | 16/03/2017 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 20 | CTCP Thương Mại Vxperia<br><i>VXPERIA Trading JSC.</i>                        |  |  | 0316720396 | 24/02/2021 | Sở KHĐT TP. HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>               | 27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM<br><i>27C Quoc Huong Street, Thao</i>                                                                                                                            | 13/03/2021 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same</i>                |

|    |                                                                                                                         |  |  |            |                |                                                      |                                                                                                                                                                                                               |                |  |  |                                                                        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|----------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|--|------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                         |  |  |            |                |                                                      | Đien Ward, Thu Duc City,<br>HCMC                                                                                                                                                                              |                |  |  | parent<br>company                                                      |
| 21 | CTCP Sao<br>Sáng Sài Gòn<br><i>Sao Sang Sai<br/>Gon JSC.</i>                                                            |  |  | 0310004847 | 20/05/<br>2010 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>             | L17-11, Tòa nhà Vincom, 72<br>Lê Thánh Tôn, Phường Bến<br>Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí<br>Minh<br><i>L17-11, Vincom Building, 72<br/>Le Thanh Ton, Ben Nghe<br/>Ward, District 1, HCMC</i>                        | 3/16/<br>2018  |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 22 | Công ty TNHH<br>Indochina Hội<br>An Beach<br>Villas<br><i>Indochina Hoi<br/>An beach villas<br/>company<br/>limited</i> |  |  | 4000435375 | 22/07/<br>2008 | Sở KHĐT Quảng<br>Nam<br><i>Quang Nam D.P.I.</i>      | Khối 1, Phường Điện Dương,<br>Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng<br>Nam<br><i>Block 1, Dien Duong Ward,<br/>Dien Ban Town, Quang Nam<br/>Province</i>                                                                | 02/07<br>/2018 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 23 | Công ty TNHH<br>Du lịch Sinh<br>Thái Côn Bắp<br><i>Conbap<br/>Ecological<br/>Tourist CO.<br/>LTD</i>                    |  |  | 4000491891 | 22/09/<br>2008 | Sở KHĐT Quảng<br>Nam<br><i>Quang Nam D.P.I.</i>      | Côn Bắp, Phường Cẩm Nam,<br>Thành phố Hội An, Quảng<br>Nam<br><i>Con Bap, Cam Nam Ward,<br/>Hoi An City, Quang Nam<br/>Province</i>                                                                           | 26/12<br>/2019 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 24 | CTCP BCG<br>Wind Sóc<br>Trăng<br><i>BCG Wind Soc<br/>Trang Joint<br/>Stock Company</i>                                  |  |  | 2200743415 | 02/02/<br>2018 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Sóc Trăng<br><i>Soc Trang D.P.I.</i> | Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp<br>Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên,<br>Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc<br>Trăng<br><i>Alley 1, TL 934 Road, Hoa My<br/>Hamlet, My Xuyen Town, My<br/>Xuyen District, Soc Trang<br/>Province</i>          | 30/03<br>/2018 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 25 | CTCP Năng<br>lượng BCG<br>Thanh Hóa<br><i>BCG Thanh<br/>Hoa Energy<br/>Joint Stock<br/>Company</i>                      |  |  | 1101876437 | 05/03/<br>2018 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Long An<br><i>Long An D.P.I.</i>     | 31 Đường số 10, Ấp 4, KDC<br>Nam Long, Xã An Thạnh,<br>Huyện Bến Lức, Long An<br><i>31 Road No. 10, Hamlet 4,<br/>Nam Long Residential Area,<br/>An Thanh Commune, Ben Luc<br/>District, Long An Province</i> | 30/03<br>/2018 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |



|    |                                                                                                              |  |  |            |                |                                                      |                                                                                                                                                                                            |                |  |  |                                                                        |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|----------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|--|------------------------------------------------------------------------|
| 26 | CTCP Skylar<br><i>Skylar JSC</i>                                                                             |  |  | 0316031692 | 21/11/<br>2019 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>             | 27C Quốc Hương, P. Thảo<br>Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM<br><i>27C Quoc Huong Street, Thao<br/>Dien Ward, Thu Duc City,<br/>HCMC</i>                                                           | 10/04<br>/2020 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 27 | CTCP Phát<br>triển Tầm nhìn<br>Năng Lượng<br>Sạch<br><i>Clean Energy<br/>Vision<br/>Development<br/>JSC.</i> |  |  | 4101468169 | 08/07/<br>2016 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Bình Định<br><i>Binh Dinh D.P.I.</i> | Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã<br>Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ,<br>Tỉnh Bình Định<br><i>Provincial Road 639, Village<br/>8 Dong, My Thang Commune,<br/>Phu My District, Binh Dinh<br/>Province</i> | 08/04<br>/2020 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 28 | Công ty TNHH<br>Điện gió Đông<br>Thành 1<br><i>Dong Thanh 1<br/>Wind Power<br/>Company<br/>Limited</i>       |  |  | 2100661818 | 03/11/<br>2020 | Sở KHĐT Tỉnh Trà<br>Vinh<br><i>Tra Vinh D.P.I.</i>   | Số 207, ấp Giồng Giếng, Xã<br>Dân Thành, Thị xã Duyên<br>Hải, Trà Vinh<br><i>No. 207, Giong Gieng Hamlet,<br/>Dan Thanh Commune, Duyen<br/>Hai Town, Tra Vinh Province</i>                 | 18/11<br>/2020 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 29 | Công ty TNHH<br>Điện gió Đông<br>Thành 2<br><i>Dong Thanh 2<br/>Wind Power<br/>Company<br/>Limited</i>       |  |  | 2100661825 | 03/11/<br>2020 | Sở KHĐT Tỉnh Trà<br>Vinh<br><i>Tra Vinh D.P.I.</i>   | Số 207, ấp Giồng Giếng, Xã<br>Dân Thành, Thị xã Duyên<br>Hải, Trà Vinh<br><i>No. 207, Giong Gieng Hamlet,<br/>Dan Thanh Commune, Duyen<br/>Hai Town, Tra Vinh Province</i>                 | 18/11<br>/2020 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 30 | CTCP Aurai<br>Wind Energy<br><i>Aurai Wind<br/>Energy Joint<br/>Stock Company</i>                            |  |  | 0316363987 | 02/07/<br>2020 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>             | 27C Quốc Hương, P. Thảo<br>Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM<br><i>27C Quoc Huong Street, Thao<br/>Dien Ward, Thu Duc City,<br/>HCMC</i>                                                           | 01/10<br>/2020 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 31 | CTCP BCG<br>Vĩnh Long<br><i>BCG Vinh<br/>Long Joint<br/>Stock Company</i>                                    |  |  | 1501079965 | 05/02/<br>2018 | Sở KHĐT Tỉnh Cà<br>Mau<br><i>Ca Mau D.P.I.</i>       | Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã<br>Trung Nghĩa, Huyện Vũng<br>Liêm, Tỉnh Vĩnh Long<br><i>No. 356, Group 13, Phu Tan<br/>Hamlet, Trung Nghia</i>                                              | 06/10<br>/2020 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |

|    |                                                                                                                               |  |  |            |                |                                                  |                                                                                                                       |                |  |  |                                                                        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|----------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|--|------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                               |  |  |            |                |                                                  | Commune, Vung Liem<br>District, Vinh Long Province                                                                    |                |  |  |                                                                        |
| 32 | CTCP Herb<br>Solar<br><i>Herb Solar<br/>Joint Stock<br/>Company</i>                                                           |  |  | 0316958952 | 16/09/<br>2021 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>         | Số 27C Quốc Hương, Phường<br>An Khánh, TP Hồ Chí Minh,<br><i>27C Quoc Huong Street, An<br/>Khanh Ward, HCMC</i>       | 08/12<br>/2021 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 33 | CTCP Orchid<br>Solar<br><i>Orchid Solar<br/>Joint Stock<br/>Company</i>                                                       |  |  | 0316958430 | 15/09/<br>2021 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>         | Số 27C Quốc Hương, Phường<br>An Khánh, TP Hồ Chí Minh,<br><i>27C Quoc Huong Street, An<br/>Khanh Ward, HCMC</i>       | 08/12<br>/2021 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 34 | CTCP Violet<br>Solar<br><i>Violet Solar<br/>Joint Stock<br/>Company</i>                                                       |  |  | 0316957998 | 16/09/<br>2021 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>         | Số 27C Quốc Hương, Phường<br>An Khánh, TP Hồ Chí Minh,<br><i>27C Quoc Huong Street, An<br/>Khanh Ward, HCMC</i>       | 08/12<br>/2021 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 35 | CTCP BCG<br>GAIA<br><i>BCG GAIA<br/>Joint Stock<br/>Company</i>                                                               |  |  | 0316831917 | 28/04/<br>2021 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>         | Số 27C Quốc Hương, Phường<br>An Khánh, TP Hồ Chí Minh,<br><i>27C Quoc Huong Street, An<br/>Khanh Ward, HCMC</i>       | 31/12<br>/2021 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 36 | CTCP Năng<br>lượng BCG<br>Băng Dương<br><i>BCG - Bang<br/>Duong Energy<br/>JSC.</i>                                           |  |  | 0313970937 | 18/08/<br>2016 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Long An<br><i>Long An D.P.I.</i> | Ấp Hoàng Gia, Xã Thạnh<br>Hóa, Tỉnh Tây Ninh<br><i>Hoang Gia Hamlet, Thanh<br/>Hoa Commune, Tay Ninh<br/>Province</i> | 18/08<br>/2016 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 37 | CTCP Năng<br>lượng<br>Hanwha - BCG<br>Băng Dương<br><i>Hanwha<br/>Energy Joint<br/>Stock Company<br/>- BCG Bang<br/>Duong</i> |  |  | 0314337438 | 08/04/<br>2017 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Long An<br><i>Long An D.P.I.</i> | Ấp Hoàng Gia, Xã Thạnh<br>Hóa, Tỉnh Tây Ninh<br><i>Hoang Gia Hamlet, Thanh<br/>Hoa Commune, Tay Ninh<br/>Province</i> | 15/11<br>/2018 |  |  | Cùng Công<br>ty mẹ<br><i>under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |





|    |                                                                              |  |  |            |            |                                                   |                                                                                                                                                                     |            |  |  |                                                         |
|----|------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|---------------------------------------------------------|
| 38 | CTCP Phát triển Điện Gia Huy<br><i>Gia Huy Electricity Development JSC.</i>  |  |  | 0109102803 | 26/02/2020 | Sở KHĐT Tp. Hà Nội<br><i>Ha Noi D.P.I.</i>        | 44 Nguyễn Thái Học, Phường Ba Đình, TP Hà Nội<br><i>44 Nguyễn Thái Học, Phường Ba Đình, TP Hà Nội</i>                                                               | 01/12/2023 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 39 | CTCP BCG Điện gió Điện Biên Đông<br><i>BCG Dien Bien Dong Wind Power JSC</i> |  |  | 5600345862 | 24/04/2024 | Sở KHĐT Tỉnh Điện Biên<br><i>Dien Bien D.P.I.</i> | 86A đường Hòa Bình, tổ dân phố 10, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên<br><i>86A Hoa Binh Street, Residential Group 10, Dien Bien Phu Ward, Dien Bien Province</i> | 24/04/2024 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 40 | CTCP Aton<br><i>Aton Joint Stock Company</i>                                 |  |  | 0318486286 | 03/06/2024 | Sở KHĐT TP. HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>             | Số 27C Quốc Hương, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh,<br><i>27C Quoc Huong Street, An Khanh Ward, HCMC</i>                                                            | 03/06/2024 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |
| 41 | CTCP BCG Eco<br><i>BCG ECO JSC.</i>                                          |  |  | 0318671899 | 16/09/2024 | Sở KHĐT TP. HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>             | Số 27C Quốc Hương, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh,<br><i>27C Quoc Huong Street, An Khanh Ward, HCMC</i>                                                            | 16/09/2024 |  |  | Cùng Công ty mẹ<br><i>under the same parent company</i> |

PHỤ LỤC 2 / APPENDIX 2

**GAO DỊCH LIÊN QUAN GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY, HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                                | Mối quan hệ liên quan với công ty                                                                                                                                            | Số CMND/ ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp                                                                                       | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                                    | Thời điểm giao dịch với công ty       | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua                                         | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch ((Đơn vị tính: đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| No. | Name of organization/ individual                                   | Relationship with the Company                                                                                                                                                | NSH No. date of issue, place of issue                                                                                  | Address                                                                                                  | Time of transactions with the Company | Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors | Content, quantity, total value of transaction                   |
| 1   | CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital<br>Bamboo Capital Joint Stock Company | Công ty mẹ và là tổ chức liên quan của người nội bộ Công ty, cổ đông lớn<br>The parent company and an affiliated entity of the company's internal persons, and a blockholder | ĐKKD/NSH No.: 0311315789<br>Ngày cấp/ Date of issue: 11/7/2011<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP. HCM/HCMC D.P.I. | 22A đường số 7, Phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh<br>22A No.7 Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City | Tháng 01, Tháng 03/2026               | 73/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 05/10/2023<br>73/2023/NQ-HĐQT-TCD dated October 5th, 2023             | Hoàn trả tiền vay (Giá trị: 15.000.000.000)                     |
|     |                                                                    |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                        |                                                                                                          | Jan, Mar - 26                         |                                                                                                | Loan repayment (Amount: 15.000.000.000)                         |
|     |                                                                    |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                        |                                                                                                          | Tháng 06/2026                         |                                                                                                | Thanh toán lãi vay (Giá trị: 4.687.518.147)                     |
|     |                                                                    |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                        |                                                                                                          | Jun-26                                |                                                                                                | Loan interest payment (Amount: 4.687.518.147)                   |
|     |                                                                    |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                        |                                                                                                          | Tháng 03, Tháng 06/2026               |                                                                                                | Lãi vay phát sinh (Giá trị: 1.650.355.961)                      |
|     |                                                                    |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                        |                                                                                                          | Mar, Jun - 26                         |                                                                                                | Accrued loan interest (Amount: 1.650.355.961)                   |
|     |                                                                    |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                        |                                                                                                          | Tháng 06/2026                         | 03/2025/NQ-HĐQT-TCD ngày 23/01/2025                                                            | Thanh toán Phí tư vấn (Giá trị: 1.036.800.000)                  |
|     |                                                                    |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                        |                                                                                                          | Jun-26                                | 03/2025/NQ-HĐQT-TCD dated January 23, 2025                                                     | Consulting fees payment (Amount: 1,036,800,000)                 |



|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   |                         |                                                                                     |                                                                                                                                                          |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang/<br><i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i>                                                            | Công ty con<br><i>Subsidiary company</i> | ĐKKD/ NSH No.: 1600175162<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 20/9/1994<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KH & Đầu tư Tỉnh An Giang/ <i>An Giang DPI</i> . | Ấp Rò Leng, Xã Tri Tôn, Tỉnh An Giang/<br><i>Lo Ren Hamlet, Tri Ton Commune, An Giang Province</i>                | Tháng 03/2026           | 03/2025/NQ-HĐQT-TCD ngày 23/01/2025<br>(03/2025/NQ-HĐQT-TCD dated January 23, 2025) | Phân phối lợi nhuận Antraco năm 2025 theo tờ trình 04/TTr.Cty ngày 31/03/2026 (Giá trị: 22.960.600.803)                                                  |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Mar-26                  |                                                                                     | <i>Profit distribution of Antraco for the year 2025 according to Proposal No. 04/TTr.Cty dated March 31th, 2026 (Amount: 22.960.600.803)</i>             |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Tháng 06/2026           |                                                                                     | Phân phối lợi nhuận Antraco Quý1/2026 theo tờ trình 09/TTr.CTY ngày 19/06/2026 (Giá trị: 13.375.841.500)                                                 |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Jun-26                  |                                                                                     | <i>Profit distribution of Antraco for the first 3 months of 2026 according to Proposal No. 09/TTr.Cty dated June 19th, 2026 (Amount: 13.375.841.500)</i> |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Tháng 01, Tháng 02/2026 |                                                                                     | Chuyển tiền PPLN (Giá trị: 20.000.000.000)                                                                                                               |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Jan, Feb - 26           |                                                                                     | <i>Profit distribution transfer (Amount: 20.000.000.000)</i>                                                                                             |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Tháng 05/2026           |                                                                                     | Cần trừ công nợ (Giá trị: 377.038.945)                                                                                                                   |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | May-26                  |                                                                                     | <i>Offsetting debts (Amount: 377.038.945)</i>                                                                                                            |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Tháng 05, Tháng 06/2026 |                                                                                     | Mua bán đá xây dựng (Giá trị: 680.088.600)                                                                                                               |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | May, Jun - 26           |                                                                                     | <i>Construction stone trading (Amount: 680.088.600)</i>                                                                                                  |
| 3 | Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại EcoBuild ( <i>EcoBuild Construction and Trading Company Limited</i> ), tên cũ: Công ty TNHH Tracodi E&C/ <i>Tracodi E&amp;C company limited</i> | Công ty con<br><i>Subsidiary company</i> | ĐKKD/NSH No.: 0317828674<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 11/05/2023<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KH&ĐT TP HCM/ <i>HCMC DPI</i> .                  | 89 Cách Mạng Tháng Tám, P Bến Thành, TPHCM/89 <i>Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City</i> | Tháng 01/2026           | 03/2025/NQ-HĐQT-TCD ngày 23/01/2025                                                 | Thanh toán khối lượng thi công Eximbank Tân Uyên (Giá trị: 200.000.000)                                                                                  |
|   |                                                                                                                                                                                  |                                          |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                   | Jan-26                  | 03/2025/NQ-HĐQT-TCD dated January 23, 2025                                          | <i>Payment for construction volume of Eximbank Tân Uyên (Amount: 200.000.000)</i>                                                                        |

|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        |                          |                                                                                                                                               |                                                                                     |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | Công ty TNHH B.O.T ĐT 830<br>B.O.T DT 830 Co., Ltd.                                    | Tổ chức liên quan người nội bộ Công ty<br>Subsidiary company       | ĐKKD/NSH No.: 1101834236<br>Ngày cấp/ Date of issue: 27/10/2016<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Tỉnh Tây Ninh/ Tay Ninh D.P.I | 32A/3 Ấp 3, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh/32A/3 Hamlet 3, Ben Luc Commune, Tay Ninh Province                                                               | Tháng 01/2026            | 03/2025/NQ-HĐQT-TCD ngày 23/01/2025<br>(03/2025/NQ-HĐQT-TCD dated January 23, 2025)                                                           | Doanh thu quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 680.602.148)                            |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | Jan-26                   |                                                                                                                                               | Regular management and maintenance (Amount: 680.602.148)                            |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | Tháng 01/2026            |                                                                                                                                               | Thu tiền phí quản lý, duy tu BOT 830 (Giá trị: 735.050.320)                         |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | Jan-26                   |                                                                                                                                               | Collecting regular management and maintenance fees of BOT 830 (Amount: 735.050.320) |
| 5 | Công ty Taxi Việt Nam<br>Vietnam Taxi CO., Ltd.                                        | Công ty con Subsidiary company                                     | ĐKKD/NSH No.: 0301465425<br>Ngày cấp/ Date of issue: 24/10/2008<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH & Đầu tư TP.HCM/ HCMC DPI.      | Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP. HCM/Lot IV - 15B, Street No. 4, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City | Tháng 01 - Tháng 06/2026 | 43/2025/NQ-HĐQT-TCD ngày 04/08/2025<br>(43/2025/NQ-HĐQT-TCD dated August 04, 2025)                                                            | Phí dịch vụ (Giá trị: 81.295.000)                                                   |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | Jan-Jun - 2026           |                                                                                                                                               | Service fee (Amount: 81.295.000)                                                    |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | Tháng 01 - Tháng 06/2026 |                                                                                                                                               | Thanh toán phí dịch vụ (Giá trị: 87.798.600)                                        |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | Jan-Jun - 2026           |                                                                                                                                               | Payment of service fee (Amount: 87.798.600)                                         |
| 6 | CTCP Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang<br>(Gia Khang Investment Trading Service JSC) | Bên có liên quan với Người nội bộ<br>(Parties related to Insiders) | ĐKKD/ No.: 0313758024<br>Ngày cấp/ Date of issue: 04/14/2016<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP.HCM/ HCMC D.P.I.              | 218 Võ Văn Ngân, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh / 218 Võ Văn Ngân Street, Thu Duc Ward, Ho Chi Minh City                                               | Tháng 05/2026            | 53/2024/NQ-HĐQT-TCD ngày 19/09/2024, đính chính ngày 15/11/2024<br>(53/2024/NQ-HĐQT-TCD dated September 19, 2024; adjusted November 15, 2024) | Cần trừ công nợ (Giá trị: 1.271.657.508.752)                                        |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | May-26                   |                                                                                                                                               | (Offsetting debts (Amount: 1.271.657.508.752)                                       |
| 7 | CTCP Đầu Tư và Dịch Vụ Helios<br>(Helios Investment and Services Joint Stock Company)  | Bên có liên quan với Người nội bộ<br>(Parties related to Insiders) | ĐKKD/ No.: 0311656651<br>Ngày cấp/ Date of issue: 22/03/2012<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TP.HCM/ HCMC D.P.I.              | 89 Cách Mạng Tháng Tám, P Bến Thành, TPHCM/89 Cách Mạng Tháng Tam Street, Ben Thanh Ward, HCMC                                                         | Tháng 06/2026            | 53/2024/NQ-HĐQT-TCD ngày 19/09/2024<br>(53/2024/NQ-HĐQT-TCD dated September 19, 2024)                                                         | Thanh toán lãi Hợp tác kinh doanh (Giá trị: 5.724.318.147)                          |
|   |                                                                                        |                                                                    |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        | Jun-26                   |                                                                                                                                               | Interest payment for business cooperation (Amount: 5.724.318.147)                   |

482393  
IG TY  
PHẦN  
XÂY DỰ  
CODI  
-T.P HỒ



|    |                                                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                   |                          |                                                                                                     |                                                                                                                                                    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | CTCP Skylar<br>(Skylar Joint Stock Company)                                                                      | Bên liên quan với Người nội bộ của Công ty mẹ<br><i>Related parties to insiders of the parent company.</i> | ĐKKD/ No.: 0316031692<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 21/11/2019<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TP.HCM/ <i>HCMC D.P.I.</i>       | 27C Quốc Hương, Phường An Khánh, TP. HCM<br><i>27C Quoc Huong Street, An Khanh Ward, HCMC</i>                                                                                     | Tháng 03, Tháng 06/2026  | 03/2025/NQ-HĐQT-TCD ngày 23/01/2025<br>(03/2025/NQ-HĐQT-TCD dated January 23, 2025)                 | Nhận thanh toán tiền thi công công trình (Giá trị: 170.000.000)                                                                                    |
|    |                                                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                   | Mar, Jun - 26            |                                                                                                     | <i>Receive payment for construction work (Amount: 170.000.000)</i>                                                                                 |
| 9  | Công ty CP Xuất Khẩu Lao động Tracodi<br>(Tracodi Labor Export Joint Stock Company)                              | Bên có liên quan với Người nội bộ<br>(Parties related to Insiders)                                         | ĐKKD/ No.: 0314385382<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 04/05/2017<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TP.HCM/ <i>HCMC D.P.I.</i>       | 89 Cách Mạng Tháng Tám, P Bến Thành, TPHCM/89 <i>Cach Mang Thang Tam Street, Ben Thanh Ward, HCMC</i>                                                                             | Tháng 04/2026            | 03/2026/NQ-HĐQT-TCD ngày 03/04/2026<br>(03/2026/NQ-HĐQT-TCD dated April 03, 2026)                   | Thanh toán theo Phụ lục điều chỉnh HĐ dịch vụ tư vấn số 202201/HDDV-TCD-XKLĐ ký ngày 25/02/2022 (Giá trị: 2.000.000.000)                           |
|    |                                                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                   | Apr-26                   |                                                                                                     | <i>(Payment of Appendix amending the Consulting Service Contract No. 202201/HDDV-TCD-XKLĐ signed on February 25, 2022 (Amount: 2.000.000.000))</i> |
| 10 | Công Ty CP Dịch Vụ Bảo Vệ Trường Thành Đại Việt<br>(Truong Thanh Dai Viet Security Services Joint Stock Company) | Bên có liên quan với Người nội bộ<br>(Parties related to Insiders)                                         | ĐKKD/ No.: 0105553001<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 07/10/2011<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KHĐT TP. Hà Nội/ <i>Ha Noi D.P.I.</i> | 16A5 Lý Nam Đế, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội<br><i>16A5 Ly Nam De Street, Hoan Kiem Ward, Ha Noi City</i>                                                                   | Tháng 03 - Tháng 06/2026 | Hợp đồng 2702/2026/HDDVB V ngày 27/02/2026<br>Contract No. 2702/2026/HDDVBV dated February 27, 2026 | Phí dịch vụ bảo vệ (Giá trị: 96.000.000)                                                                                                           |
|    |                                                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                   | Mar, Jun - 26            |                                                                                                     | <i>Security service fees (Amount: 96.000.000)</i>                                                                                                  |
|    |                                                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                   | Tháng 04 - Tháng 06/2026 |                                                                                                     | Thanh toán phí dịch vụ bảo vệ (Giá trị: 77.760.000)                                                                                                |
|    |                                                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                   | Apr, Jun - 26            |                                                                                                     | <i>Payment of Security service fees (Amount: 77.760.000)</i>                                                                                       |
| 11 | CTCP Thăng Phương<br>Thang Phuong Joint Stock Company.                                                           | Bên có liên quan với Người nội bộ<br>(Parties related to Insiders)                                         | ĐKKD/NSH No.: 0304371285<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> : 25/04/2006<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> : Sở KH & Đầu tư TP.HCM/HCMC DPI.       | Tầng 19, Khu Văn Phòng Tòa Nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP. HCM/19th Floor, Indochina Office Building, 4 Nguyen Dinh Chieu Street, Tan Dinh Ward, HCMC | Tháng 05/2026            | 39/2022/NQ-HĐQT-TCD ngày 10/05/2022<br>39/2022/NQ-HĐQT-TCD dated May 10, 2022                       | Cán trừ công nợ (Giá trị: 308.702.502.793)                                                                                                         |
|    |                                                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                   | May-26                   |                                                                                                     | <i>Offsetting debts (Amount: 308.702.502.793)</i>                                                                                                  |





PHỤ LỤC 3 / APPENDIX 3

**GIÁO DỊCH LIÊN QUAN GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẤM QUYỀN KIỂM SOÁT**  
**TRANSACTION BETWEEN INTERNAL PERSONS OF THE COMPANY, AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS AND THE COMPANY'S SUBSIDIARIES IN WHICH THE COMPANY TAKES CONTROLLING POWER**

| STT | Tổ chức/ cá nhân thực hiện giao dịch                                                                        | Quan hệ với người nội bộ                                        | Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp                                                                                              | Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên lạc                                                               | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát        | Thời điểm giao dịch     | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND)                                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| No. | Transaction executor                                                                                        | Relationship with internal persons                              | ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue                                                                          | Address                                                                                              | Name of subsidiaries or companies which the Company control | Time of transaction     | Content, quantity, total value of transaction                                                             |
| 1   | Công ty TNHH B.O.T DT 830<br>B.O.T DT 830 Co., Ltd                                                          | Bên có liên quan với Người nội bộ (Parties related to Insiders) | ĐKKD/NSH No.: 1101834236<br>Ngày cấp/ Date of issue: 27/10/2016<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT Tỉnh Tây Ninh/ Tay Ninh D.P.I | 32A/3 Ấp 3, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh/32A/3 Hamlet 3, Ben Luc Commune, Tay Ninh Province             | Công ty Cổ Phần TCD Plus/ TCD Plus JSC.                     | Tháng 01- Tháng 06/2026 | Cho thuê xe (Giá trị: 120.000.000)                                                                        |
|     |                                                                                                             |                                                                 |                                                                                                                                   |                                                                                                      |                                                             | Jan-Jun-2026            | Car rental (Amount: 120.000.000)                                                                          |
|     |                                                                                                             |                                                                 |                                                                                                                                   |                                                                                                      |                                                             | Tháng 02- Tháng 06/2026 | Nhận thanh toán phí cho thuê xe                                                                           |
|     |                                                                                                             |                                                                 |                                                                                                                                   |                                                                                                      |                                                             | Feb-Jun-2026            | Receive payment of car rental (Amount: 108.000.000)                                                       |
| 3   | Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA<br>AAA Insurance Corporation                                              | Bên có liên quan với Người nội bộ (Parties related to Insiders) | ĐKKD/NSH No.: 0303705665<br>Ngày cấp/ Date of issue: 28/03/2005<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KHĐT TPHCM/ HCMC DPI.              | 10-12 Đường số 52, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh<br>10-12 Street 52, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City | Công ty Taxi Việt Nam<br>Vietnam Taxi CO., Ltd.             | Tháng 05/2026           | Thanh toán theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh: 01/2026/HĐHT/VINATAXI-3A (Giá trị: 1.100.000.000)            |
|     |                                                                                                             |                                                                 |                                                                                                                                   |                                                                                                      |                                                             | May-26                  | Payment according to the Business Cooperation Agreement: 01/2026/HĐHT/VINATAXI-3A (Amount: 1.100.000.000) |
| 4   | Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng<br>AAA Insurance Corporation - Phu My Hung Branch | Bên có liên quan với Người nội bộ (Parties)                     | ĐKKD/NSH No: 0303705665-074<br>Ngày cấp/ Date of issue: 06/11/2023<br>Nơi cấp/ Place of issue:                                    | Tầng 5, số 90 Trần Đình Xu, Phường Cầu Ông Lãnh, TP Hồ Chí Minh,                                     | Công ty Taxi Việt Nam<br>Vietnam Taxi CO., Ltd.             | Tháng 04- 05/2026       | Phí bảo hiểm vật chất xe (Giá trị: 98.909.091)                                                            |
|     |                                                                                                             |                                                                 |                                                                                                                                   |                                                                                                      |                                                             | Apr, May - 26           | Car insurance fee (Amount: 98.909.091)                                                                    |



|   |                                                          |                                                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                        |                                                               |                               |                                                               |
|---|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|   |                                                          | <i>related to<br/>Insiders)</i>                                                                             | Bộ Tài chính/ <i>Minister<br/>of Finance</i>                                                                                                           | Việt Nam<br><i>5th Floor, Tran<br/>Dinh Xu Street,<br/>Cau Ong Lanh<br/>Ward, HCMC</i>                                 |                                                               | Tháng 04-<br>05/2026          | Thanh toán phí bảo hiểm vật chất xe<br>(Giá trị: 108.800.005) |
|   |                                                          |                                                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                        |                                                               | <i>Apr, May -<br/>26</i>      | <i>Payment of car insurance fee (Amount:<br/>98.909.091)</i>  |
| 5 | CTCP BCG Land<br><i>BCG Land Joint Stock<br/>Company</i> | Tổ chức có<br>liên quan của<br>người nội bộ/<br><i>Related<br/>organizations<br/>of internal<br/>person</i> | ĐKKD/NSH No.:<br>0317308153<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 15/03/2018<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i><br>Sở KHĐT TPHCM/<br><i>HCMC DPI.</i> | 22A Đường số<br>7, Phường Bình<br>Trung, TP.<br>HCM<br><i>No. 22A Street<br/>7, Binh Trung<br/>Ward, City.<br/>HCM</i> | Công ty Taxi Việt<br>Nam<br><i>Vietnam Taxi<br/>CO., Ltd.</i> | Tháng 01-<br>03/2026          | Thanh toán phí dịch vụ sửa chữa (Giá trị:<br>9.463.500)       |
|   |                                                          |                                                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                        |                                                               | <i>Jan-Mar -<br/>26</i>       | <i>Payment of repair service fee (Amount:<br/>9.463.500)</i>  |
|   |                                                          |                                                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                        |                                                               | Tháng 03-<br>05-06/2026       | Phí dịch vụ sửa chữa (Giá trị:<br>33.218.056)                 |
|   |                                                          |                                                                                                             |                                                                                                                                                        |                                                                                                                        |                                                               | <i>Mar, May,<br/>Jun - 26</i> | <i>Repair service fee (Amount: 33.218.056)</i>                |



PHỤ LỤC 4 / APPENDIX 4

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS**

| STT/<br>No.                                       | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/<br>individual | TK giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số giấy NSH<br>ID | Ngày cấp<br>Date of issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số CP sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the end of the period | Tỉ lệ sở hữu CP cuối kỳ<br>Percentage | Ghi chú<br>Note                  |
|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| <b>A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN</b> |                                                            |                                                                          |                                                                  |                   |                           |                           |                                                  |                                                                         |                                       |                                  |
| 1                                                 | Nguyễn Thanh Hùng                                          |                                                                          | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the BOD                             |                   |                           |                           |                                                  | 5.851.116                                                               | 1,74                                  | Người nội bộ<br>Internal persons |
| 1.01                                              | Nguyễn Văn Viên                                            |                                                                          |                                                                  |                   |                           |                           |                                                  |                                                                         |                                       | Bố ruột<br>Father                |
| 1.02                                              | Nguyễn Thị Hoàng Yến                                       |                                                                          |                                                                  |                   |                           |                           |                                                  |                                                                         |                                       | Mẹ ruột<br>Mother                |
| 1.03                                              | Nguyễn Ngọc Minh An                                        |                                                                          |                                                                  |                   |                           |                           |                                                  |                                                                         |                                       | Con ruột<br>Daughter             |



|      |                                                                                                           |  |  |            |            |                                               |                                                                                                               |  |  |                                                                                 |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1.04 | Nguyễn Thanh<br>Chi Lâm                                                                                   |  |  |            |            |                                               |                                                                                                               |  |  | Con ruột<br><i>Son</i>                                                          |
| 1.05 | Nguyễn Nhật Bảo                                                                                           |  |  |            |            |                                               |                                                                                                               |  |  | Con ruột<br><i>Son</i>                                                          |
| 1.06 | Nguyễn Ngọc Đài<br>Trang                                                                                  |  |  |            |            |                                               |                                                                                                               |  |  | Em ruột<br><i>Sibling</i>                                                       |
| 1.07 | Nguyễn Xuân Phú                                                                                           |  |  |            |            |                                               |                                                                                                               |  |  | Em ruột<br><i>Sibling</i>                                                       |
| 1.08 | Nguyễn Quốc<br>Trung                                                                                      |  |  |            |            |                                               |                                                                                                               |  |  | Em rể<br><i>Brother in-law</i>                                                  |
| 1.09 | Công ty TNHH<br>Liên Doanh Khai<br>Thác Chê Biền<br>Vật Liệu Xây<br>Dựng An Giang<br><i>Antraco Joint</i> |  |  | 1600175162 | 18/09/1998 | Sở KHĐT An<br>Giang<br><i>An Giang D.P.I.</i> | Ấp Rò Leng, Xã Tri Tôn,<br>Tỉnh An Giang<br><i>Ro Leng Hamlet, Tri Ton<br/>Commune, An Giang<br/>Province</i> |  |  | TCLQ/Phó CT<br>HDTV<br><i>Vice<br/>Chairman of<br/>the Members'<br/>Council</i> |

|      |                                                              |  |                                                |            |            |                                                 |                                                                                                                                                          |   |   |                                                         |
|------|--------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------|------------|------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------|
|      | <i>Venture Company Ltd</i>                                   |  |                                                |            |            |                                                 |                                                                                                                                                          |   |   |                                                         |
| 1.10 | Công ty TNHH Phoenix Mountain<br><i>Phoenix Mountain LTD</i> |  |                                                | 4101605111 | 20/10/2021 | Sở KHĐT Tỉnh Bình Định<br><i>Bình Định D.P.</i> | Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn, Bình Định<br><i>National Road 1D, Area 2, Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province.</i> |   |   | TCLQ/CT HĐQT<br><i>Chairman of the Members' Council</i> |
| 2    | Nguyễn Duy Lâm                                               |  | Phó CT HĐQT<br><i>Vice Chairman of the BOD</i> |            |            |                                                 |                                                                                                                                                          | 0 | 0 | Người nội bộ<br><i>Internal persons</i>                 |
| 2.01 | Nguyễn Thế Khanh                                             |  |                                                |            |            |                                                 |                                                                                                                                                          |   |   | Cha ruột/ <i>Father</i>                                 |
| 2.02 | Đỗ Thị Hinh                                                  |  |                                                |            |            |                                                 |                                                                                                                                                          |   |   | Mẹ ruột/ <i>Mother</i>                                  |
| 2.03 | Trần Thị Thu                                                 |  |                                                |            |            |                                                 |                                                                                                                                                          |   |   | Vợ / <i>Spouse</i>                                      |



|      |                                                            |  |                                                                                                                                                 |            |            |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   |                                     |
|------|------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------|
| 2.04 | Nguyễn Trần<br>Hoàng Anh                                   |  |                                                                                                                                                 |            |            |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   | Con/Children                        |
| 2.05 | Nguyễn Trọng Đạt                                           |  |                                                                                                                                                 |            |            |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   | Con/Children                        |
| 2.06 | Nguyễn Ngọc<br>Doanh                                       |  |                                                                                                                                                 |            |            |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   | Anh Em<br>ruột/Siblings             |
| 2.07 | CTCP Đầu tư<br>Hasco Land<br>Hasco Land<br>Investment JSC. |  |                                                                                                                                                 | 0109874817 | 30/12/2021 | Sở KHĐT TP Hà<br>Nội<br>Hanoi Department<br>of Planning and<br>Investment | Phòng số CP1.18.02, tầng<br>18, tháp 1 Tòa nhà Capital<br>Place, số 29 đường Liễu<br>Giai, Phường Ngọc Hà,<br>Thành phố Hà Nội/ Room<br>CP1.18.02, 18th floor,<br>Tower 1, Capital Place<br>Building, 29 Lieu Giai<br>Street, Ngoc Ha Ward,<br>Hanoi City |   |   | TCLQ/TGD<br>CEO                     |
| 3    | Nguyễn Ngọc<br>Anh                                         |  | TVHĐQT<br>kiêm Phó<br>TGĐ phụ<br>trách Xây<br>dựng/<br>Member of<br>the BODs<br>cum<br>Deputy<br>General<br>Director in<br>charge of Constructi |            |            |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                           | 0 | 0 | Người nội bộ<br>Internal<br>persons |

|      |                       |  |                            |  |  |  |  |  |  |                                  |
|------|-----------------------|--|----------------------------|--|--|--|--|--|--|----------------------------------|
|      |                       |  | <i>on and<br/>Services</i> |  |  |  |  |  |  |                                  |
| 3.01 | Phạm Thanh An         |  |                            |  |  |  |  |  |  | Mẹ<br>ruột/ <i>Mother</i>        |
| 3.02 | Nguyễn Thị Mai<br>Anh |  |                            |  |  |  |  |  |  | Vợ/ <i>Wife</i>                  |
| 3.03 | Nguyễn Tiến Đức       |  |                            |  |  |  |  |  |  | Con trai/ <i>Son</i>             |
| 3.04 | Nguyễn Minh<br>Khôi   |  |                            |  |  |  |  |  |  | Con trai/ <i>Son</i>             |
| 3.05 | Nguyễn Văn Luân       |  |                            |  |  |  |  |  |  | Bố vợ/ <i>Father-<br/>in-law</i> |
| 3.06 | Dương Thị Kim<br>Hằng |  |                            |  |  |  |  |  |  | Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i>      |
| 3.07 | Nguyễn Thị Oanh       |  |                            |  |  |  |  |  |  | Em gái /<br><i>Siblings</i>      |



|      |                                                                                                                                          |  |                                                                    |            |            |                                               |                                                                                                               |       |      |                                                                   |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------|-------------------------------------------------------------------|
| 3.08 | Công ty TNHH<br>Liên doanh Khai<br>thác và Chế biến<br>Vật liệu Xây dựng<br>An Giang<br><i>Antraco Joint<br/>Venture Company<br/>Ltd</i> |  |                                                                    | 1600175162 | 18/09/1998 | Sở KHĐT An<br>Giang<br><i>An Giang D.P.I.</i> | Ấp Rò Leng, Xã Tri Tôn,<br>Tỉnh An Giang<br><i>Ro Leng Hamlet, Tri Ton<br/>Commune, An Giang<br/>Province</i> |       |      | TCLQ/ TV<br>HĐTV<br><i>Member of the<br/>Members'<br/>Council</i> |
| 4    | Dương Anh Văn                                                                                                                            |  | TV độc<br>lập HĐQT<br><i>Independent Member<br/>of the<br/>BOD</i> |            |            |                                               |                                                                                                               | 3.272 | 0,00 | Người nội bộ<br><i>Internal<br/>Person</i>                        |
| 4.01 | Dương Văn Minh                                                                                                                           |  |                                                                    |            |            |                                               |                                                                                                               |       |      | Bố<br><i>Father</i>                                               |
| 4.02 | Nguyễn Thị<br>Phương Hà                                                                                                                  |  |                                                                    |            |            |                                               |                                                                                                               |       |      | Mẹ<br><i>Mother</i>                                               |
| 4.03 | Nguyễn Thị<br>Khánh Vân                                                                                                                  |  |                                                                    |            |            |                                               |                                                                                                               |       |      | Vợ<br><i>Spouse</i>                                               |
| 4.04 | Dương Nhật Anh                                                                                                                           |  |                                                                    |            |            |                                               |                                                                                                               |       |      | Con<br><i>Children</i>                                            |

|      |                              |  |                              |            |            |                               |                                                                                                                                 |   |   |                                                     |
|------|------------------------------|--|------------------------------|------------|------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------|
| 4.05 | Dương Bảo Hân                |  |                              |            |            |                               |                                                                                                                                 |   |   | Con<br>Children                                     |
| 4.06 | Dương Anh Tuấn               |  |                              |            |            |                               |                                                                                                                                 |   |   | Em ruột<br>Sibling                                  |
| 4.07 | CTCP BCG Eco<br>BCG ECO JSC. |  |                              | 0318671899 | 16/09/2024 | Sở KHĐT TP.HCM<br>HCMC D.P.I. | 27C Quốc Hương, P Thảo<br>Điền, TP Thủ Đức, TP.<br>HCM<br>27C Quoc Huong, Thao<br>Dien Ward, Thu Duc City,<br>Ho Chi Minh City. |   |   | TCLQ/ PCT<br>HĐQT<br>Vice<br>Chairman of<br>the BOD |
| 5    | Nguyễn Trung<br>Kiên         |  | TV HĐQT<br>Member of<br>BODs |            |            |                               |                                                                                                                                 | 0 | 0 | Người nội bộ<br>Internal<br>persons                 |
| 5.01 | Phạm Thị Ngọc                |  |                              |            |            |                               |                                                                                                                                 |   |   | Vợ<br>Spouse                                        |
| 5.02 | Đinh Thị Thúy<br>Nga         |  |                              |            |            |                               |                                                                                                                                 |   |   | Mẹ<br>Mother                                        |



|      |                                                             |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                                                                        |  |  |                                                                  |
|------|-------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------|
| 5.03 | Nguyễn Thị<br>Huyền Trang                                   |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                                                                        |  |  | Em ruột<br><i>Sibling</i>                                        |
| 5.04 | Nguyễn Ngọc Bảo<br>Linh                                     |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                                                                        |  |  | Con<br><i>Children</i>                                           |
| 5.05 | Nguyễn Ngọc Bảo<br>Trâm                                     |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                                                                        |  |  | Con<br><i>Children</i>                                           |
| 5.06 | Nguyễn Tuệ Lâm                                              |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                                                                        |  |  | Con<br><i>Children</i>                                           |
| 5.07 | Nguyễn Công<br>Khiêm                                        |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                                                                        |  |  | Em rể/<br><i>brother-in-law</i>                                  |
| 5.08 | Công ty Taxi Việt<br>Nam<br><i>Vietnam Taxi<br/>Company</i> |  |  | 0301465425 | 24/10/2008 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i> | Lô IV - 15B Đường số 4 -<br>KCN Tân Bình, Phường Tây<br>Thạnh, Quận Tân Phú,<br>TP.HCM<br><i>Lot IV - 15B, Street No. 4,<br/>Tan Binh Industrial Park,<br/>Tay Thanh Ward, Tan Phu</i> |  |  | TCLQ/TV<br>HĐTV<br><i>Member of the<br/>Members'<br/>Council</i> |

|      |                                                                                                                      |  |  |            |            |                                            |                                                                                                                                          |             |       |                                                              |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|--------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                                                      |  |  |            |            |                                            | District, Ho Chi Minh City                                                                                                               |             |       |                                                              |
| 5.09 | CTCP Tập đoàn Bamboo Capital<br><i>Bamboo Capital Joint Stock Company</i>                                            |  |  | 0311315789 | 07/11/2011 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>       | 22A đường số 7, Phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh<br><i>22A No.7 Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>                          | 147.419.520 | 43,90 | TCLQ/TV độc lập HĐQT<br><i>Independent Member of the BOD</i> |
| 5.10 | CTCP BCG Financial<br><i>BCG Financial JSC.</i>                                                                      |  |  | 0316951788 | 18/08/2021 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>       | 22A Đường số 7, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh<br><i>No. 22A, Street No. 7, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>              |             |       | TCLQ/TV HĐQT kiêm TGĐ<br><i>Member of the BOD cum CEO</i>    |
| 5.11 | Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang<br><i>Antraco Joint Venture Company Ltd</i> |  |  | 1600175162 | 18/09/1998 | Sở KHĐT An Giang<br><i>An Giang D.P.I.</i> | Ấp Rò Leng, Xã Tri Tôn, Tỉnh An Giang<br><i>Ro Leng Hamlet, Tri Ton Commune, An Giang Province</i>                                       |             |       | TCLQ/ Trưởng BKS<br><i>Head of Supervisory Board</i>         |
| 5.12 | CTCP Dịch vụ bảo vệ Trường Thành Đại Việt<br><i>Truong Thanh Dai Viet Security Services JSC.</i>                     |  |  | 0105553001 | 07/10/2011 | Sở KHĐT Hà Nội<br><i>Ha Noi D.P.I.</i>     | Số 16A5 Lý Nam Đế, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội<br><i>No. 16A5, Ly Nam De Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi City</i>                          |             |       | TCLQ/ CT HĐQT<br><i>Chairman of the BOD</i>                  |
| 5.13 | CTCP BCG Energy<br><i>BCG Energy JSC</i>                                                                             |  |  | 0314445458 | 08/06/2017 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>       | LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh<br><i>LK10-21 Tran Quy Kien Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i> |             |       | TCLQ/ Phó TGĐ<br><i>Deputy CEO</i>                           |
| 5.14 | CTCP Xuất khẩu Lao động TRACODI<br><i>TRACODI Labour Export JSC</i>                                                  |  |  | 0314385382 | 04/05/2017 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>       | 89 Cách Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, TP HCM<br><i>89 Cach Mang Thang 8, Ben Thanh Ward, HCMC</i>                                      |             |       | TCLQ/ CT HĐQT<br><i>Chairman of the BOD</i>                  |

|                                               |                                                                                       |  |                                                            |            |            |                                                                 |                                                                                                    |   |   |                                                                  |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------|
| 5.15                                          | Công ty TNHH<br>BCG Alliance<br><i>BCG Alliance<br/>Limited Liability<br/>Company</i> |  |                                                            | 0319529768 | 29/04/2026 | Sở Tài Chính<br>TP.HCM<br><i>HCMC Department<br/>of Finance</i> | 22A Đường Số 7, Phường<br>Bình Trưng, TP HCM<br><i>22A Street No. 7, Binh<br/>Trung Ward, HCMC</i> |   |   | TCLQ/TV<br>HĐTV<br><i>Member of the<br/>Members'<br/>Council</i> |
| <b>B. BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN</b> |                                                                                       |  |                                                            |            |            |                                                                 |                                                                                                    |   |   |                                                                  |
| 6                                             | Nguyễn Viết<br>Cương                                                                  |  | Trưởng<br>BKS<br><i>Head of<br/>Supervisor<br/>y Board</i> |            |            |                                                                 |                                                                                                    | 0 | 0 | Người nội bộ<br><i>Internal<br/>persons</i>                      |
| 6.01                                          | Nguyễn Viết Đình                                                                      |  |                                                            |            |            |                                                                 |                                                                                                    |   |   | Bố ruột<br><i>Father</i>                                         |
| 6.02                                          | Lê Thị Luyến                                                                          |  |                                                            |            |            |                                                                 |                                                                                                    |   |   | Mẹ ruột<br><i>Mother</i>                                         |
| 6.03                                          | Lê Sỹ Minh                                                                            |  |                                                            |            |            |                                                                 |                                                                                                    |   |   | Bố vợ<br><i>Father-in-law</i>                                    |



|      |                         |  |  |  |  |  |  |  |  |                               |
|------|-------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|-------------------------------|
| 6.04 | Lê Thị Thoa             |  |  |  |  |  |  |  |  | Mẹ vợ<br><i>Mother-in-law</i> |
| 6.05 | Lê Thị Hà               |  |  |  |  |  |  |  |  | Vợ /Spouse                    |
| 6.06 | Nguyễn Việt<br>Khánh    |  |  |  |  |  |  |  |  | Con<br><i>Children</i>        |
| 6.07 | Nguyễn Hà Linh          |  |  |  |  |  |  |  |  | Con<br><i>Children</i>        |
| 6.08 | Nguyễn Thị Mai<br>Hương |  |  |  |  |  |  |  |  | Con<br><i>Children</i>        |

|      |                                                                           |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                          |             |       |                                                        |
|------|---------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|--------------------------------------------------------|
| 6.09 | Nguyễn Viết Hoà                                                           |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                          |             |       | Em ruột (đã mất)<br><i>Sibling (deceased)</i>          |
| 6.10 | Nguyễn Thị Hường                                                          |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                          |             |       | Em ruột<br><i>Sibling</i>                              |
| 6.11 | Trần Xuân Thủ                                                             |  |  |            |            |                                      |                                                                                                                                          |             |       | Anh rể<br><i>Brother-in-law</i>                        |
| 6.12 | CTCP Tập đoàn Bamboo Capital<br><i>Bamboo Capital Joint Stock Company</i> |  |  | 0311315789 | 07/11/2011 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i> | 22A đường số 7, Phường Bình Trưng, TP. HCM<br><i>22A No.7 Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>                                  | 147.419.520 | 43,90 | TCLQ/TV BKS<br><i>Member of the Supervisory Board</i>  |
| 6.13 | CTCP BCG Energy<br><i>BCG Energy JSC</i>                                  |  |  | 0314445458 | 08/06/2017 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i> | LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh<br><i>LK10-21 Tran Quy Kien Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i> |             |       | TCLQ/Phó BKS<br><i>Deputy of the Supervisory Board</i> |
| 6.14 | CTCP BCG Land<br><i>BCG Land JSC</i>                                      |  |  | 0314922132 | 15/03/2018 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i> | 22A Đường Số 7, Phường Bình Trưng, TP HCM<br><i>22A Street No. 7, Binh Trung Ward, HCMC</i>                                              |             |       | TCLQ/Phó BKS<br><i>Deputy of the Supervisory Board</i> |

|      |                                                                                       |  |                                                  |            |            |                                            |                                                                                                                            |   |   |                                                         |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------|------------|------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------|
| 6.15 | CTCP Đầu tư Phát triển nhà MHDI 2<br><i>MHDI 2 Housing Development Investment JSC</i> |  |                                                  | 0312350521 | 03/07/2013 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>       | Số 14G Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh<br><i>14G Phan Van Tri, Ward 7, Go Vap District, HCMC</i> |   |   | TCLQ/Trưởng BKS<br><i>Head of the Supervisory Board</i> |
| 6.16 | CTCP Tập đoàn Lộc trời<br><i>Loc Troi Group JSC.</i>                                  |  |                                                  | 1600192619 | 27/09/2004 | Sở KHĐT An Giang<br><i>An Giang D.P.I.</i> | Số 23 Hà Hoàng Hồ, P Long Xuyên, Tỉnh An Giang<br><i>No. 23 Ha Hoang Ho Street, Long Xuyen Ward, An Giang Province</i>     |   |   | TCLQ/Trưởng BKS<br><i>Head of the Supervisory Board</i> |
| 7    | Hoàng Quốc Trung                                                                      |  | TV BKS<br><i>Member of the Supervisory Board</i> |            |            |                                            |                                                                                                                            | 0 | 0 | Người nội bộ<br><i>Internal persons</i>                 |
| 7.01 | Ngô Thị Thu Hà                                                                        |  |                                                  |            |            |                                            |                                                                                                                            |   |   | Mẹ ruột<br><i>Mother</i>                                |
| 7.02 | Hồ Thị Ly                                                                             |  |                                                  |            |            |                                            |                                                                                                                            |   |   | Vợ /Spouse                                              |
| 7.03 | Hoàng Phương Uyên                                                                     |  |                                                  |            |            |                                            |                                                                                                                            |   |   | Con<br><i>Children</i>                                  |
| 7.04 | Hoàng Minh Triết                                                                      |  |                                                  |            |            |                                            |                                                                                                                            |   |   | Con<br><i>Children</i>                                  |



|      |                                                                                                       |  |  |            |            |                                                       |                                                                                                                                                                                                 |  |  |                                                                  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------|
| 7.05 | Hoàng Quốc Trọng                                                                                      |  |  |            |            |                                                       |                                                                                                                                                                                                 |  |  | Em ruột<br><i>Sibling</i>                                        |
| 7.06 | Hồ Văn Sáu                                                                                            |  |  |            |            |                                                       |                                                                                                                                                                                                 |  |  | Ba vợ<br><i>Father-in-law</i>                                    |
| 7.07 | Phan Thị Loan                                                                                         |  |  |            |            |                                                       |                                                                                                                                                                                                 |  |  | Mẹ vợ<br><i>Mother-in-law</i>                                    |
| 7.08 | CTCP Thành Phúc<br><i>Thanh Phuc JSC.</i>                                                             |  |  | 4400348180 | 21/10/2009 | Sở KH&ĐT tỉnh<br>Phú Yên<br><i>Phu Yen D.P.I.</i>     | Lô D4, D5, D9, D10 – KCN<br>Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã<br>Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên<br><i>Lots D4, D5, D9, D10 –<br/>Dong Bac Song Cau<br/>Industrial Park, Song Cau<br/>Town, Phu Yen Province</i> |  |  | TCLQ/TV<br>BKS<br><i>Member of the<br/>Supervisory<br/>Board</i> |
| 7.09 | Tổng CTCP Bảo<br>hiểm AAA<br><i>AAA Insurance<br/>Joint Stock<br/>Corporation</i>                     |  |  | 30GP/KDBH  | 28/02/2005 | Bộ Tài chính<br><i>Ministry of Finance</i>            | 10-12 đường số 52, phường<br>Thanh Mỹ Lợi, TP. Thủ<br>Đức, TP.HCM<br><i>10-12 Street No. 52, Thanh<br/>My Loi Ward, Thu Duc City,<br/>Ho Chi Minh City</i>                                      |  |  | TCLQ/TV<br>BKS<br><i>Member of the<br/>Supervisory<br/>Board</i> |
| 7.10 | CTCP Phát triển<br>Nguyễn Hoàng<br><i>Nguyen Hoang<br/>Investment<br/>Development<br/>Corporation</i> |  |  | 4100377261 | 08/09/2000 | Sở KH&ĐT tỉnh<br>Bình Định<br><i>Binh Dinh D.P.I.</i> | Khu TTCN Nhơn Hòa,<br>Phường Nhơn Hòa, Thị xã<br>An Nhơn, Tỉnh Bình Định<br><i>Nhon Hoa Industrial and<br/>Handicraft Cluster, Nhon<br/>Hoa Ward, An Nhon Town,<br/>Binh Dinh Province</i>      |  |  | TCLQ/TV<br>BKS<br><i>Member of the<br/>Supervisory<br/>Board</i> |

|      |                                                                                                    |  |  |            |            |                                                      |                                                                                                                                                                                        |  |  |                                                         |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------------------------------|
| 7.11 | Công ty TNHH Tracodi E&C<br><i>Tracodi E&amp;C Company Limited</i>                                 |  |  | 0317828674 | 11/05/2023 | Sở KH&ĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>                | 25 Xuân Thủy, Phường Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP. HCM<br><i>25 Xuan Thuy Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>                                                      |  |  | TCLQ/TV BKS<br><i>Member of the Supervisory Board</i>   |
| 7.12 | CTCP BCG Land<br><i>BCG Land JSC.</i>                                                              |  |  | 0314922132 | 15/03/2018 | Sở KH&ĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>                | 22A Đường số 7, Phường Bình Trưng, TP.HCM<br><i>22A Street No. 7, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>                                                                                |  |  | TCLQ/TV BKS<br><i>Member of the Supervisory Board</i>   |
| 7.13 | CTCP Du lịch Casa Marina Resort<br><i>Casa Marina Resort Tourism JSC.</i>                          |  |  | 4101483255 | 16/03/2017 | Sở KH&ĐT tỉnh Bình Định<br><i>Binh Dinh D.P.I.</i>   | QL1D, Khu phố 1, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam<br><i>National Highway 1D, Quarter 1, Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province, Vietnam</i> |  |  | TCLQ/Trưởng BKS<br><i>Head of the Supervisory Board</i> |
| 7.14 | Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas<br><i>Indochina Hoi An Beach Villas Company Limited</i> |  |  | 4000435375 | 22/07/2008 | Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam<br><i>Quang Nam D.P.I.</i>   | Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam<br><i>Block 1, Dien Duong Ward, Dien Ban Town, Quang Nam Province</i>                                                       |  |  | TCLQ/Trưởng BKS<br><i>Head of the Supervisory Board</i> |
| 7.15 | CTCP BCG Eco<br><i>BCG Eco JSC.</i>                                                                |  |  | 0318671899 | 16/09/2024 | Sở KH&ĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>                | 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM<br><i>27C Quoc Huong Street, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City</i>                                                  |  |  | TCLQ/Trưởng BKS<br><i>Head of the Supervisory Board</i> |
| 7.16 | CTCP Dược phẩm Tipharco<br><i>Tipharco Pharmaceutical JSC.</i>                                     |  |  | 1200100557 | 28/02/2006 | Sở KH&ĐT tỉnh Tiền Giang<br><i>Tien Giang D.P.I.</i> | Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang<br><i>Lots 08, 09 – Tan My Chanh Industrial and Handicraft</i>             |  |  | TCLQ/TV BKS<br><i>Member of the Supervisory Board</i>   |

|      |                                                                                |  |                                   |            |            |                                                    |                                                                                                                                               |   |   |                                                         |
|------|--------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------|
|      |                                                                                |  |                                   |            |            |                                                    | Cluster, Ward 9, My Tho City, Tien Giang Province                                                                                             |   |   |                                                         |
| 7.17 | CTCP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh<br><i>Cat Trinh Industrial Area BCG JSC</i> |  |                                   | 4101566790 | 01/07/2020 | Sở KH&ĐT tỉnh Bình Định<br><i>Binh Dinh D.P.I.</i> | Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định<br><i>Phong An Hamlet, Cat Trinh Commune, Phu Cat District, Binh Dinh Province</i> |   |   | TCLQ/Trưởng BKS<br><i>Head of the Supervisory Board</i> |
| 7.18 | CTCP BCG Energy<br><i>BCG Energy JSC.</i>                                      |  |                                   | 0314445458 | 08/06/2017 | Sở KH&ĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>              | LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh<br><i>LK10-21 Tran Quy Kien Street, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City</i>      |   |   | TCLQ/TV BKS<br><i>Member of the Supervisory Board</i>   |
| 8    | Võ Văn Hóa                                                                     |  | TV BKS<br><i>Member of the SB</i> |            |            |                                                    |                                                                                                                                               | 0 | 0 | Người nội bộ<br><i>Internal persons</i>                 |
| 8.01 | Võ Thị Quý                                                                     |  |                                   |            |            |                                                    |                                                                                                                                               |   |   | Mẹ Vợ<br><i>/Mother-in-law</i>                          |
| 8.02 | Nguyễn Thị Thúy Hằng                                                           |  |                                   |            |            |                                                    |                                                                                                                                               |   |   | Vợ/ Spouse                                              |
| 8.03 | Võ Quốc Huy                                                                    |  |                                   |            |            |                                                    |                                                                                                                                               |   |   | Con<br><i>Children</i>                                  |
| 8.04 | Võ Thị Điệp                                                                    |  |                                   |            |            |                                                    |                                                                                                                                               |   |   | Em ruột<br><i>Sibling</i>                               |



|      |                                                                                                       |  |  |            |            |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |                                 |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------|
|      |                                                                                                       |  |  |            |            |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |                                 |
| 8.05 | Võ Minh Khánh                                                                                         |  |  |            |            |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                |  |  | Em ruột<br>Sibling              |
| 8.06 | CTCP Đầu tư và<br>Thương mại Shuaa<br><i>Shuaa Investment<br/>and Trading Joint<br/>Stock Company</i> |  |  | 0315989450 | 30/10/2019 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I. | 89 Cách Mạng Tháng Tám,<br>P. Bến Thành, Tp. Hồ Chí<br>Minh<br><i>89 Cach Mang Thang Tam<br/>Street, Ben Thanh Ward, Ho<br/>Chi Minh City</i>                                                                                                  |  |  | TCLQ/KTT<br>Chief<br>Accountant |
| 8.07 | Công ty TNHH<br>Thanh An An<br><i>Thanh An An Co.,<br/>Ltd.</i>                                       |  |  | 0312036636 | 05/11/2012 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I. | 89 Cách Mạng Tháng Tám,<br>P. Bến Thành, Tp. Hồ Chí<br>Minh<br><i>89 Cach Mang Thang Tam<br/>Street, Ben Thanh Ward, Ho<br/>Chi Minh City</i>                                                                                                  |  |  | TCLQ/KTT<br>Chief<br>Accountant |
| 8.08 | CTCP HCM<br>LOTT 68<br><i>HCM LOTT 68<br/>JSC</i>                                                     |  |  | 0312775588 | 13/05/2014 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I. | L17-11, Tầng 17, Tòa Nhà<br>Vincom Center, Số 72 Lê<br>Thánh Tôn, Phường Sài<br>Gòn, TP Hồ Chí Minh<br><i>L17-11, 17th Floor, Vincom<br/>Center Building, 72 Le<br/>Thanh Ton Street, Sai Gon<br/>Ward, Ho Chi Minh City</i>                   |  |  | TCLQ/KTT<br>Chief<br>Accountant |
| 8.09 | CTCP Thăng<br>Phương<br><i>Thang Phuong<br/>JSC</i>                                                   |  |  | 0304371285 | 30/05/2006 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br>HCMC D.P.I. | Tầng 19, Khu Văn Phòng<br>Tòa Nhà Indochina, Số 4<br>Nguyễn Đình Chiểu,<br>Phường Tân Định, TP Hồ<br>Chí Minh<br><i>9th Floor, Indochina<br/>Building Office Area, 4<br/>Nguyen Dinh Chieu Street,<br/>Tan Dinh Ward, Ho Chi<br/>Minh City</i> |  |  | TCLQ/KTT<br>Chief<br>Accountant |

**C. BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

|      |                         |  |         |  |  |  |  |     |            |                                             |
|------|-------------------------|--|---------|--|--|--|--|-----|------------|---------------------------------------------|
| 9    | Lê Huỳnh<br>Thương Minh |  | TGD/CEO |  |  |  |  | 422 | 0,000<br>1 | Người nội bộ<br><i>Internal<br/>persons</i> |
| 9.01 | Lê Văn Phú              |  |         |  |  |  |  |     |            | Cha ruột/<br><i>Father</i>                  |
| 9.02 | Huỳnh Thị Ánh<br>Tuyết  |  |         |  |  |  |  |     |            | Mẹ<br>ruột/ <i>Mother</i>                   |
| 9.03 | Nguyễn Quỳnh<br>Nhu     |  |         |  |  |  |  |     |            | Vợ / <i>Spouse</i>                          |
| 9.04 | Lê Viên Hân             |  |         |  |  |  |  |     |            | Con/ <i>Children</i>                        |
| 9.05 | Lê Tuệ Tâm              |  |         |  |  |  |  |     |            | Con/ <i>Children</i>                        |

|      |                                                                                               |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                     |  |  |                                                                   |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------|
| 9.06 | Lê Huỳnh Ngọc Diệp                                                                            |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                     |  |  | Anh trai/Sibling                                                  |
| 9.07 | Lê Huỳnh Diễm Châu                                                                            |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                     |  |  | Chị Gái/Sibling                                                   |
| 9.08 | Lê Huỳnh Diễm Chi                                                                             |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                     |  |  | Em gái/Sibling                                                    |
| 9.09 | Nguyễn Hoàng Thái                                                                             |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                     |  |  | Anh vợ<br>Brother-in-law                                          |
| 9.10 | Công ty TNHH Tracodi E&C/<br>Tracodi E&C Company limited                                      |  |  | 0317828674 | 11/05/2023 | Sở KHĐT TP.HCM<br>HCMC D.P.I. | 25 Xuân Thủy, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức/ 25 Xuan Thuy Street, Thao Dien Ward, City. Thu Duc                                                                                     |  |  | TCLQ/CT HĐQT kiêm TGĐ<br>Chairman of the Members' Council cum CEO |
| 9.11 | CTCP Kinh doanh dịch vụ Bất động sản Thăng Long/<br>Thang Long Property Service Business JSC. |  |  | 0309954516 | 24/08/2010 | Sở KHĐT TP.HCM<br>HCMC D.P.I. | L17-11, Tầng 17, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP HCM / L17-11, 17th Floor, Vincom Center Building, 72 Le Thanh Ton Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City |  |  | TCLQ/TV HĐQT<br>Member of BOD                                     |



|      |                                                                                                  |  |  |            |            |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |                                                                                                  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.12 | CTCP BCG<br>Financial<br><i>BCG Financial<br/>JSC.</i>                                           |  |  | 0316951788 | 18/08/2021 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>                 | 22A Đường số 7, Phường<br>Bình Trưng, TP.HCM<br><i>22A Street No. 7, Binh<br/>Trung Ward, Ho Chi Minh<br/>City</i>                                                                                                                    |  |  | TCLQ/KTT<br><i>Chief<br/>Accountant</i>                                                          |
| 9.13 | Công ty Taxi Việt<br>Nam<br><i>Vietnam Taxi<br/>Company Limited</i>                              |  |  | 0301465425 | 24/10/2008 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>                 | Lô IV - 15B đường số 4,<br>KCN Tân Bình, Phường Tây<br>Thanh, Quận Tân Phú, Tp.<br>Hồ Chí Minh<br><i>Lot IV - 15B, Street No.4,<br/>Tan Binh Industrial Park,<br/>Tay Thanh Ward, Tan Phu<br/>District, Ho Chi Minh City</i>          |  |  | TCLQ/TV<br>HDQT kiêm<br>PTGD<br><i>Member of<br/>BOD cum<br/>Deputy<br/>General<br/>Director</i> |
| 9.14 | Công ty TNHH<br>Du lịch Sinh Thái<br>Cồn Bắp<br><i>Conhap<br/>Ecological Tourist<br/>CO. LTD</i> |  |  | 4000491891 | 22/09/2008 | Sở KHĐT tỉnh<br>Quảng Nam<br><i>Quang Nam D.P.I.</i> | Cồn Bắp, Phường Cẩm<br>Nam, Thành phố Hội An,<br>Tỉnh Quảng Nam<br><i>Con Bap, Cam Nam Ward,<br/>Hoi An City, Quang Nam<br/>Province</i>                                                                                              |  |  | TCLQ/Phó<br>TGD<br><i>Deputy<br/>General<br/>Director</i>                                        |
| 9.15 | CTCP Đầu tư và<br>Dịch vụ Helios<br><i>Helios Service and<br/>Investment JSC</i>                 |  |  | 0311656651 | 23/03/2012 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i>             | 89 Cách Mạng Tháng Tám,<br>P. Bến Thành, Tp. Hồ Chí<br>Minh<br><i>89 Cach Mang Thang Tam<br/>Street, Ben Thanh Ward, Ho<br/>Chi Minh City</i>                                                                                         |  |  | TCLQ/TV<br>HDQT<br><i>Member of<br/>BOD</i>                                                      |
| 9.16 | CTCP Phát triển<br>Nguyễn Hoàng<br><i>Nguyen Hoang<br/>Development Joint<br/>Stock Company</i>   |  |  | 4100377261 | 09/08/2000 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Bình Định<br><i>Binh Dinh D.P.I.</i> | Khu TTCN Nhơn Hòa,<br>Phường Nhơn Hòa, Tỉnh<br>Bình Định<br><i>Nhon Hoa Industrial Park,<br/>Nhon Hoa Ward, Binh Dinh<br/>Province</i>                                                                                                |  |  | TCLQ/CT<br>HDQT<br><i>Chairman of<br/>the BOD</i>                                                |
| 9.17 | CTCP Thành Phúc<br><i>Thanh Phuc JSC.</i>                                                        |  |  | 4400348180 | 21/10/2009 | Sở KHĐT Tỉnh Phú<br>Yên<br><i>Phu Yen D.P.I..</i>    | Lô D4, D5, D9, D10 – KCN<br>Đông Bắc Sông Cầu, Xã<br>Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu,<br>Tỉnh Phú Yên<br><i>Lot D4, D5, D9, D10 –<br/>Northeast Song Cau<br/>Industrial Park, Xuan Hai<br/>Commune, Song Cau Town,<br/>Phu Yen Province</i> |  |  | TCLQ/CT<br>HDQT<br><i>Chairman of<br/>the BOD</i>                                                |

|       |                                                              |  |                              |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |    |          |                                                           |
|-------|--------------------------------------------------------------|--|------------------------------|------------|------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------|-----------------------------------------------------------|
| 9.18  | CTCP Tapiotek<br>TAPIOTEK JSC                                |  |                              | 3901277274 | 30/01/2019 | Sở KHĐT Tỉnh Tây Ninh<br>Tay Ninh D.P.I. | Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh<br>Group 7, Quarter 4, Chau Thanh Town, Chau Thanh District, Tay Ninh Province |    |          | TCLQ/ CT HĐQT<br>Chairman of the BOD                      |
| 9.19  | CTCP TCD Plus<br>TCD Plus JSC.                               |  |                              | 0317111679 | 07/01/2022 | Sở KHĐT TP. HCM<br>HCMC D.P.I.           | Tòa nhà Vian Tower, Số 26 Đường 40, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh<br>Vian Tower Building, No. 26, Street 40, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City       |    |          | TCLQ/ CT HĐQT<br>Chairman of the BOD cum CEO              |
| 9.20  | Công ty TNHH B.O.T ĐT 830<br>B.O.T DT 830 Co., Ltd           |  |                              | 1101834236 | 27/10/2016 | Sở KHĐT Tỉnh Long An<br>Long An D.P.I.   | 32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An<br>32A/3, Hamlet 3, An Thanh Commune, Ben Luc District, Long An Province.                       |    |          | TCLQ/TV HĐQT<br>Member of the Members' Council            |
| 9.21  | CTCP Xuất khẩu Lao động TRACODI<br>TRACODI Labour Export JSC |  |                              | 0314385382 | 04/05/2017 | Sở KHĐT TP.HCM<br>HCMC D.P.I.            | 89 Cách Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, TPHCM<br>89 Cach Mang Thang 8, Ben Thanh Ward, HCMC                                                          |    |          | TCLQ/ CT HĐQT<br>Chairman of the BOD cum CEO              |
| 10    | Nguyễn Văn Bắc                                               |  | TV HĐQT<br>Member of the BOD |            |            |                                          |                                                                                                                                                      | 80 | 0,000 01 | Người nội bộ<br>Internal persons                          |
| 10.01 | Nguyễn Văn Ry                                                |  |                              |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |    |          | Bố (đã mất)<br>Father (deceased)                          |
| 10.02 | Bà Trần Thị Khương                                           |  |                              |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |    |          | Mẹ (đã mất)<br>Mother (deceased)                          |
| 10.03 | Lê Đình chấp                                                 |  |                              |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |    |          | Bố vợ (không liên hệ được)<br>Father-in-law (unreachable) |

|       |                    |  |  |  |  |  |  |  |  |                                                   |
|-------|--------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------|
| 10.04 | Trần Thị Thắm      |  |  |  |  |  |  |  |  | Mẹ vợ (Đã mất)<br><i>Mother-in-law (deceased)</i> |
| 10.05 | Nguyễn Văn Tuấn    |  |  |  |  |  |  |  |  | Anh Trai<br><i>Sibling</i>                        |
| 10.06 | Nguyễn Trọng Khanh |  |  |  |  |  |  |  |  | Anh Trai<br><i>Sibling</i>                        |
| 10.07 | Nguyễn Thị Vinh    |  |  |  |  |  |  |  |  | Chị gái<br><i>Sibling</i>                         |
| 10.08 | Nguyễn Văn Quang   |  |  |  |  |  |  |  |  | Anh Trai<br><i>Sibling</i>                        |
| 10.09 | Nguyễn Tuấn Ninh   |  |  |  |  |  |  |  |  | Anh Trai<br><i>Sibling</i>                        |
| 10.10 | Nguyễn Ánh Hồng    |  |  |  |  |  |  |  |  | Anh Trai<br><i>Sibling</i>                        |



|       |                                                                            |  |  |            |            |                                           |                                                                                                                                            |  |  |                                                                 |
|-------|----------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------------|
|       |                                                                            |  |  |            |            |                                           |                                                                                                                                            |  |  |                                                                 |
| 10.11 | Lê Thị Thu                                                                 |  |  |            |            |                                           |                                                                                                                                            |  |  | Vợ<br>Spouse                                                    |
| 10.12 | Nguyễn Tiến Bảo                                                            |  |  |            |            |                                           |                                                                                                                                            |  |  | Con trai<br>Children                                            |
| 10.13 | Nguyễn Lê Bảo Anh                                                          |  |  |            |            |                                           |                                                                                                                                            |  |  | Con gái<br>Children                                             |
| 10.14 | Công ty TNHH<br>B.O.T ĐT 830<br>B.O.T DT 830 Co.,<br>Ltd                   |  |  | 1101834236 | 27/10/2016 | Sở KHĐT Tỉnh<br>Long An<br>Long An D.P.I. | 32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh,<br>Huyện Bến Lức, Tỉnh Long<br>An<br>32A/3, Hamlet 3, An Thanh<br>Commune, Ben Luc District,<br>Long An Province. |  |  | TCLQ/ TV<br>HĐTV<br>Member of the<br>BOD                        |
| 10.15 | CTCP TCD Plus<br>TCD Plus                                                  |  |  | 0317111679 | 07/01/2022 | Sở KHĐT TP.HCM<br>HCMC D.P.I.             | 89 Cách Mạng Tháng Tám,<br>Phường Bến Thành, Quận 1,<br>TP Hồ Chí Minh<br>89 Cach Mang Thang Tam,<br>Ben Thanh Ward, District 1,<br>HCMC   |  |  | TCLQ/ TV<br>HĐQT<br>Member of the<br>BOD                        |
| 10.16 | CTCP Đầu tư và<br>Thương mại Shuaa<br>Shuaa Investment<br>and Trading JSC. |  |  | 0315989450 | 30/10/2019 | Sở KHĐT TP.HCM<br>HCMC D.P.I.             | 89 Cách Mạng Tháng Tám,<br>Phường Bến Thành, Quận 1,<br>TP Hồ Chí Minh<br>89 Cach Mang Thang Tam,<br>Ben Thanh Ward, District 1,<br>HCMC   |  |  | TCLQ/ TV<br>HĐQT kiêm<br>TGD<br>Member of the<br>BOD cum<br>CEO |

|       |                                                                                      |  |                                                       |            |            |                                      |                                                                                                                |                 |       |                                    |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------|------------|------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------|------------------------------------|
| 10.17 | CTCP Tập đoàn<br>Bamboo Capital<br><i>Bamboo Capital<br/>Joint Stock<br/>Company</i> |  |                                                       | 0311315789 | 07/11/2011 | Sở KHĐT TP.HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i> | 22A đường số 7, Phường<br>Bình Trưng, TP. HCM<br><i>22A No.7 Street, Binh Trung<br/>Ward, Ho Chi Minh City</i> | 147.419.52<br>0 | 43,90 | TCLQ/GĐ tài<br>chính<br><i>CFO</i> |
| 11    | Nguyễn Thị Kim<br>Yến                                                                |  | Kế toán<br>trưởng<br><i>Chief<br/>Accountan<br/>t</i> |            |            |                                      |                                                                                                                | 0               | 0     | Người nội bộ                       |
| 11.01 | Nguyễn Anh Đức                                                                       |  |                                                       |            |            |                                      |                                                                                                                |                 |       | Chồng/ <i>Spouse</i>               |
| 11.02 | Nguyễn Văn Bảo<br>Huy                                                                |  |                                                       |            |            |                                      |                                                                                                                |                 |       | Con/ <i>Children</i>               |
| 11.03 | Nguyễn Ngọc Gia<br>Nhi                                                               |  |                                                       |            |            |                                      |                                                                                                                |                 |       | Con/ <i>Children</i>               |
| 11.04 | Nguyễn Ngọc Gia<br>Nhi                                                               |  |                                                       |            |            |                                      |                                                                                                                |                 |       | Con/ <i>Children</i>               |
| 11.05 | Nguyễn Văn<br>Thuận                                                                  |  |                                                       |            |            |                                      |                                                                                                                |                 |       | Bố chồng/<br><i>Father-in-law</i>  |

|                                                                                                                                    |                                                 |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                    |  |  |                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------|
| 11.06                                                                                                                              | Phạm Thị Hà                                     |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                    |  |  | Mẹ chồng/<br>Mother-in-law    |
| 11.07                                                                                                                              | Nguyễn Văn Hạnh                                 |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                    |  |  | Em chồng/<br>Brother-in-law   |
| 11.08                                                                                                                              | Lê Thị Ngọc Loan                                |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                    |  |  | Em dâu/<br>Sister-in-law      |
| 11.09                                                                                                                              | Lê Thị Bùi                                      |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                    |  |  | Mẹ ruột/<br>Mother            |
| 11.10                                                                                                                              | Nguyễn Trọng Dũng                               |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                    |  |  | Em ruột/<br>Sibling           |
| 11.11                                                                                                                              | Công ty Taxi Việt Nam<br>Vietnam Taxi CO., Ltd. |  |  | 0301465425 | 24/10/2008 | Sở KHĐT TP.HCM<br>HCMC D.P.I. | Lô IV - 15B Đường số 4 - KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM<br>Lot IV - 15B Street No. 4 - Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, HCM City. |  |  | TCLQ/KTT/<br>Chief Accountant |
| <b>D. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ THE PERSON IN CHARGE OF CORPORATE GOVERNANCE AND RELATED PARTIES</b> |                                                 |  |  |            |            |                               |                                                                                                                                                                                    |  |  |                               |

C.P. 10



|       |                                                                                   |  |                                                                                             |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |   |   |                                                                  |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------------|
| 12    | Lê Nguyễn<br>Phương Thảo                                                          |  | Người phụ<br>trách<br>Quản trị<br>công ty/<br><i>The<br/>person in<br/>charge of<br/>CG</i> |            |            |                                          |                                                                                                                                                      | 0 | 0 | Người nội bộ<br><i>Internal<br/>persons</i>                      |
| 12.01 | Lê Thanh Hải                                                                      |  |                                                                                             |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |   |   | Bố ruột/<br><i>Father</i>                                        |
| 12.02 | Nguyễn Thị<br>Phương Thủy                                                         |  |                                                                                             |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |   |   | Mẹ ruột/<br><i>Mother</i>                                        |
| 12.03 | Lê Nguyễn Bảo<br>Duy                                                              |  |                                                                                             |            |            |                                          |                                                                                                                                                      |   |   | Anh ruột/<br><i>Brother</i>                                      |
| 12.04 | Tổng CTCP Bảo<br>hiểm AAA<br><i>AAA Insurance<br/>Joint Stock<br/>Corporation</i> |  |                                                                                             | 0303705665 | 28/03/2005 | Sở KHĐT TP.<br>HCM<br><i>HCMC D.P.I.</i> | 10-12 đường số 52, phường<br>Thạnh Mỹ Lợi, thành phố<br>Thủ Đức, TP.HCM<br><i>10-12 Street No. 52, Thanh<br/>My Loi Ward, Thu Duc City,<br/>HCMC</i> |   |   | TCLQ/TV<br>BKS<br><i>Member of the<br/>Supervisory<br/>Board</i> |